TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00507 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : PPTN thú y (903208)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06212061	TRẦN HOÀNG	AN	TC06TYCT		5	1	5
2	03212676	TRẦN DUY	BÌNH				2	
3	06212156	HUỲNH VĂN	CHÍ	TC06TY		5	3	5
4	06212257	NGUYỄN HỮU	CHÍ	TC06TY		5	4	5
5	06212254	PHẠM NGỌC	CHƯƠNG	TC06TY		5	5	5
6	04212266	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	TC04TYBP			6	
7	06212172	NGUYỄN HỮU	HOÀN	TC06TY		5	7	5
8	06212071	NGUYỄN BÙI THẾ	HUY	TC06TYCT		5	8	5
9	06212078	TRẦN VĂN	KHỞI	TC06TYCT		5	9	5
10	06212186	NGUYỄN THANH	LONG	TC06TY		5	10	5
11	06212189	LÊ THỊ	LỢI	TC06TY		5	11	5
12	06212194	NGUYỄN THỊ	NGA	TC06TY		5	12	5
13	06212252	NGUYỄN BÁ	PHÚC	TC06TY		5	13	5
14	06212359	NGUYỄN HỮU	PHỤC	TC06TYVL		5	14	5
15	03212096	KHUẤT ĐÌNH	SƠN	TC04TY			15	
16	03212495	NGUYỄN HOÀNG	SỰ	TC03TYCT			16	
17	06212229	NGUYỄN QUANG	TRÍ	TC06TY		5	17	5
18	05212688	TRẦN NGUYỄN TÚ	UYÊN	TC05TYTG			18	
19	06212245	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	TC06TY			19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: 19 Số tờ: 4 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 6 tháng 5 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00389 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Thí nghiệm Hóa HC (902305)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06114059	LÊ QUANG	CHÍ	DH06LN			1
2	04336003	ĐINH VĂN	ĐANG	CD05CS			2
3	03212517	NGUYỄN THÚY	HẰNG			6,0	3
4	07212036	HOÀNG NAM	KHOA	TC07TY			4
5	07142037	LÊ VÕ TRƯỜNG	LÂM	DH07DY		6,0	5
6	07111063	NGUYỄN VĂN	LINH	DH07CN		6,0	6
7	07111065	NGUYỄN BÁ	LONG	DH07CN		6,0	7
8	04213141	LÊ DUY	NAM	TC04NHBX		7,0	8
9	03212545	BÙI HỮU	NGHỊ	TC03TYCT		6,0	9
10	07126142	ĐẶNG VĂN	PHÁT	DH07SH		6,0	10
11	06212202	NGUYỄN VĂN	PHONG	TC06TY		8,0	11
12	06211028	NGUYỄN LÊ CHIÊU	THẮNG	TC06CNBR		5,0	12
13	02212251	LÂM THỊ DIỆP QUỲNH	TRÂM	TC02TY			13
14	03213163	NGUYỄN MINH	TRUNG	TC03NHBD		6,0	14
15	05212684	PHẠM ANH	TUẤN	TC05TYTG			15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày ..5..tháng ..4.. năm.2011

Phạm Thị Bích Vân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00388 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Họ c Kỳ 2 - Nă m Họ c 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Thí nghiệ m Hó a 1 (902304)

STT	Mã SV	Họ Và Tê n		Lớ p	Ký tê n	Điể m
1	07141035	MAI	FILLE	DH07NY		6,0
2	07141056	NGUYỄN PHẠM YẾN	LINH	DH07NY		7,0
3	07111065	NGUYỄN BÁ	LONG	DH07CN		6,0
4	07212101	NGUYỄN THANH	TÂN	TC07TY		
5	07146056	LÊ THANH	TRUNG	DH07NK	Thế	6,0
6	07212077	LÂM VĂN	TÚ	TC07TY		
7	05212684	PHẠM ANH	TUẤN	TC05TYTG		
8	04212411	ĐINH VĂN	TÚC	TC04TY		

Tô đậ m vò ng trò n cho điể m nguyê n

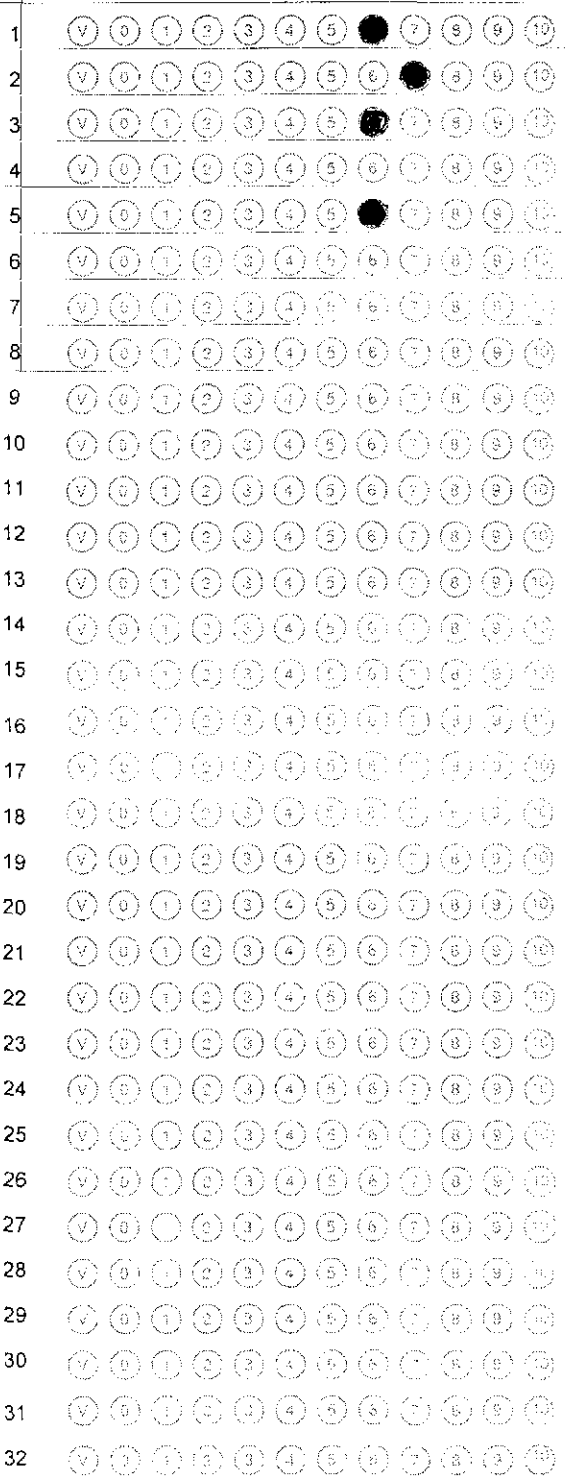

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 25 tháng 12 năm 2011

Nguyễn Văn Đông

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00335 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Mạng máy tính (914205)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07329135	HOÀNG CÔNG	THIỆU	CD07TH		3	1	3
							2	
							3	
							4	
							5	
							6	
							7	
							8	
							9	
							10	
							11	
							12	
							13	
							14	
							15	
							16	
							17	
							18	
							19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 21 tháng 05 năm 11

Phạm Văn Tình

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03015 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Mạng máy tính (914244)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07130043	BÙI MINH	HOÀNG	DH07DTH		1	
2	05230022	LÊ VĂN	HOÀNG	TC05DTDN		2	
3	05230027	QUÁCH THỊ THANH	HUYỀN	TC05DTDN		3	
4	05230032	HUỲNH THỊ THANH	HƯƠNG	TC05DTDN		4	
5	04230255	NGUYỄN THẾ	LÂN	TC04DTCM		5	3
6	06130055	ĐINH GIA	NGUYÊN	CD07TH		6	4
7	05230051	ĐẶNG VĂN	PHONG	TC05DTDN		7	
8	05230050	LOAN HOÀNG	PHONG	TC05DTDN		8	
9	05230053	TRẦN MINH	PHƯỚC	TC05DTDN		9	
10	05230055	VŨ THỊ LỆ	QUYÊN	TC05DTDN		10	
11	05230080	TRẦN QUỐC	TRUNG	TC05DTDN		11	
12	06130216	LÊ NGỌC	TUẤN	DH07DTH		12	5
13	05230093	ĐẶNG VĂN	VINH	TC05DTDN		13	
						14	
						15	
						16	
						17	
						18	
						19	
						20	
						21	
						22	
						23	
						24	
						25	
						26	
						27	
						28	
						29	
						30	
						31	
						32	

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 27 tháng 05 năm 11

Phạm Văn Tuấn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03032

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Cơ sở dữ liệu (914445)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm
~~1~~	~~05130006~~	~~NGUYỄN THÀNH~~	~~CÔNG~~	~~DH05DTM~~		
~~2~~	~~07130078~~	~~LÊ TRẦN~~	~~NAM~~	~~DH07DTH~~		
3	04230302	PHẠM VĂN	TUYỀN	TC04DTCM		2

Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên

	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	2
2	
3	2
4	
5	
6	
7	
8	
9	
10	
11	
12	
13	
14	
15	
16	
17	
18	
19	
20	
21	
22	
23	
24	
25	
26	
27	
28	
29	
30	
31	
32	

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm.....

KTNT.P.Trần

Mai Anh Thơ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00361 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Cơ sở dữ liệu (914401)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm
1	07329135	HOÀNG CÔNG	THIỆU	CD07TH		2

Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên

	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1				●								
2												
3												
4												
5												
6												
7												
8												
9												
10												
11												
12												
13												
14												
15												
16												
17												
18												
19												
20												
21												
22												
23												
24												
25												
26												
27												
28												
29												
30												
31												
32												

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

N.T.P.Tâm

Mai Anh Thơ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02791 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : PP thống kê trong nuôi TS (906222)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07117003	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	DH07CT		5	1
2	07141022	PHẠM NGỌC	ẨN	DH07NY		5	2
3	06141002	TRẦN LƯƠNG HÙNG	CƯỜNG	DH07NY		7	3
4	05116006	NGUYỄN ĐÌNH VŨ	DUY	DH06NT		5	4
5	06217008	KIỀU HỒNG	EM	TC06CTCT		6	5
6	07141037	NGUYỄN THANH	GIÀU	DH07NY		7	6
7	06217010	ĐINH THỊ THÚY	HẰNG	TC06CTCT		5	7
8	07141049	NGUYỄN MINH	HƯNG	DH07NY		6	8
9	06217016	BÙI VĂN	MẠNH	TC06CTCT		5	9
10	07117108	LÊ MINH	NHỰT	DH07CT		7	10
11	06217025	NGUYỄN PHƯƠNG	QUYÊN	TC06CTCT		5	11
12	07117135	VÕ MINH	SANG	DH07CT		6	12
13	06217026	NGÔ HỒNG	SƯƠNG	TC06CTCT		5	13
14	07117192	NGUYỄN CHÁNH	TRUNG	DH07CT		8	14
15	07141015	TRANG NGỌC THANH	TÙNG	DH07NY			15
16	07141016	NGUYỄN THẢO	UYÊN	DH07NY		5	16
17	07117210	VÕ THỊ THU	VÂN	DH07CT		6	17
18	06217039	PHẠM THỊ THANH	XUÂN	TC06CTCT		5	18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 17 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 2 tháng 05 năm 11

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03012 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Nhập môn tin học A (914101)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	05221004	HUỲNH VĂN	CHÂU	TC05PTTP		5.0	1	
2	03212016	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂU	TC03TY		6.0	2	
3	03212023	NGUYỄN VĂN	DOANH	TC03TY		7.0	3	
4	06213008	PHẠM THANH	DŨNG	TC06NHCC		5.0	4	
5	04224015	VŨ QUANG	DŨNG	TC04QL		5,0	5	
6	04212618	PHAN PHƯỢNG	DUY	TC05TYVL		5.0	6	
7	03221224	BÙI HOÀI LINH	ĐA	TC03QL		7.0	7	
~~8~~	~~06223302~~	~~HOÀNG HỒNG~~	~~HÀ~~	~~TC06KEDN~~			~~8~~	
~~9~~	~~06223301~~	~~TRỊNH CÔNG~~	~~HÀ~~	~~TC06KEDN~~			~~9~~	
10	05212014	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	TC05TYVL		5.0	10	
11	05221012	NGUYỄN TRẦN	HIỀN	TC05PTTP		5.0	11	
~~12~~	~~06212169~~	~~HUỲNH HIỀN~~	~~HIẾU~~	~~TC06TY~~			~~12~~	
~~13~~	~~07223035~~	~~NGUYỄN THỊ KIM~~	~~HỒNG~~	~~TC07KETD~~			~~13~~	
~~14~~	~~06213124~~	~~TRẦN VĂN~~	~~HÙNG~~	~~TC06NHNX~~			~~14~~	
15	06212071	NGUYỄN BÙI THẾ	HUY	TC06TYCT		5.0	15	
16	07111186	LÊ QUANG	KHẢI	DH07CN		8.0	16	
17	07132020	PHAN THÀNH	KHOA	DH07SP		7.0	17	
18	07223043	NGUYỄN THỊ	LAN	TC07KETD		5.0	18	
19	03212246	TRẦN THU	LAN	TC03TYBD		5.0	19	
~~20~~	~~07143070~~	~~HUỲNH~~	~~LÂN~~	~~CD08CA~~			~~20~~	
~~21~~	~~06212183~~	~~TRƯƠNG VĂN~~	~~LỄ~~	~~TC06TY~~			~~21~~	
22	07150065	TRẦN KHÁNH	LINH	DH07TM		7.0	22	
23	06212191	NGUYỄN TẤN	LUÔN	TC06TY		5.0	23	
24	06212090	VÕ THỊ HUỲNH	MAI	TC06TYCT		5.0	24	
25	07122091	HUỲNH THANH	MẪN	DH07QT		6.0	25	
~~26~~	~~03212072~~	~~LÊ PHƯỚC~~	~~NĂNG~~	~~TC03TY~~			~~26~~	
27	06212097	VÕ THỊ YẾN	NHI	TC06TYCT		5.0	27	
28	05212044	NGUYỄN THANH	PHONG	TC05TYVL		5.0	28	
29	07223197	LÊ NGỌC	PHÚ	TC07KE		5.0	29	
~~30~~	~~06126113~~	~~NGUYỄN HỮU~~	~~PHÚC~~	~~DH06SH~~			~~30~~	
31	07363137	ĐẶNG VĂN	PHƯỚC	CD07KE		5.0	31	
32	06112106	ĐỖ THỊ THU	PHƯƠNG	DH06TY		6.0	32	

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03012

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Nhập môn tin học A (914101)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	05212051	TRẦN VŨ	PHƯƠNG	TC05TYVL		6.0	1
34	05224514	NGUYỄN SĨ	QUÍ	TC05QL		5.0	2
~~35~~	~~03212096~~	~~KHUẤT ĐÌNH~~	~~SƠN~~	~~TC04TY~~			3
36	05221027	HỒ VĂN	TÁM	TC05PTTP		5.0	4
37	03212469	ĐINH VIẾT	TÂN	TC04TY		5.0	5
~~38~~	~~06212108~~	~~NGUYỄN PHƯỚC~~	~~THÀNH~~	~~TC06TYCT~~			6
39	03212106	NGUYỄN DUY	THẮNG	TC04TY		5.0	7
~~40~~	~~06211132~~	~~NGUYỄN VĂN~~	~~THIỆU~~	~~TC06CNNX~~			8
41	06224229	TRƯƠNG VĂN	THỪA	TC06QLBT		5.0	9
42	05222338	NGUYỄN PHẠM	THƯƠNG	TC05QTDN		6.0	10
43	06224232	NGUYỄN VĂN	TIỀN	TC06QLBT		5.0	11
44	06212249	TRẦN QUANG	TÍN	TC06TY		8.0	12
45	05212189	HUỲNH VĂN	TRÍ	TC05TYCT		5.0	13
46	07130132	THÂN MINH	TRIẾT	DH07DTM		7.0	14
~~47~~	~~06222415~~	~~NGUYỄN NGỌC~~	~~TUÂN~~	~~TC06QTVQ~~			15
48	05212196	PHAN THÀNH	VŨ	TC05TYCT		6.0	16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03013 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Tin học ứng dụng (914102)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
~~1~~	~~08213053~~	~~TRẦN VĂN~~	~~CHIẾN~~	~~TC08NH~~			1	
~~2~~	~~07213007~~	~~VÕ CHÍ~~	~~CÔNG~~	~~TC07NH~~			2	
3	07113048	PHẠM HOÀI	ĐỨC	DH07NHB		8.0	3	
4	07213068	VÕ THANH	HẢI	TC07NH		5.0	4	
~~5~~	~~08213013~~	~~TẠ TRƯƠNG TẤN~~	~~HIỆP~~	~~TC08NH~~			5	
6	07113104	PHẠM HỮU	LỢI	DH07NHA		6.0	6	
7	07128097	TRẦN THỊ KIM	TUYỀN	DH07AVG		9.0	7	
							8	
							9	
							10	
							11	
							12	
							13	
							14	
							15	
							16	
							17	
							18	
							19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03028 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Nhập môn tin học DT (914356)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
~~1~~	~~06130248~~	~~QUÁCH THỊ THÙY~~	~~DUNG~~	~~DH07DTH~~		1	
~~2~~	~~06130127~~	~~TRƯƠNG TẤN~~	~~ĐẠT~~	~~DH07DTH~~		2	
3	06230114	HUỲNH QUỐC	KHỞI	TC06DT		S.Ø 3	
4	07130085	NGUYỄN THÀNH	NGƯNG	DH07DTH		S.Ø 4	
						5	
						6	
						7	
						8	
						9	
						10	
						11	
						12	
						13	
						14	
						15	
						16	
						17	
						18	
						19	
						20	
						21	
						22	
						23	
						24	
						25	
						26	
						27	
						28	
						29	
						30	
						31	
						32	

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02730

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kinh tế chính trị (900102)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm
1	03214023	VIÊN NGỌC TUẤN	ANH	TC03LN		Tám 1
2	06141002	TRẦN LƯƠNG HÙNG	CƯỜNG	DH07NY		2
3	06113033	TRẦN MẠNH	HÙNG	DH06NH		3
4	04228036	VŨ VĂN	HƯNG	TC04AVB		4
5	05228046	NGUYỄN THỊ	LIÊN	TC05AVB		5
6	06228141	NGUYỄN THỊ	LƯƠNG	TC06AV		6
7	05228052	PHAN THỊ NGỌC	MAI	TC05AVA		7
8	05228058	NGUYỄN HỒNG	MỸ	TC05AVA		8
9	07113341	TRẦN SỸ	NGUYÊN	DH07NHGL		9
10	07128059	PHAN TẤN	PHÁT	DH07AVQ		10
11	06228159	ĐẶNG HẢI	QUÂN	TC06AV		11
12	07113345	ĐỖ KIM	QUỐC	DH07NHGL		12
13	05228086	PHAN THỊ NGỌC	QUÝ	TC05AVA		13
14	07113346	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	DH07NHGL		14
15	06228162	NGUYỄN ĐÌNH	SỰ	TC06AV		15
16	07213080	PHẠM HỒNG	THÁI	TC07NH		16
17	05212544	NGUYỄN ĐĂNG	THI	TC05TYLA		17
18	05228096	PHẠM VĂN	THIỆT	TC05AVB		18
19	07113353	ĐỖ QUỐC	THỊNH	DH07NHGL		19
20	05228098	BÙI THỊ THANH	THÙY	TC05AVB		20
21	05228102	KIM SƠN RASMEY	THYĐA	TC05AVB		21
22	05228107	NGUYỄN THỊ QUẾ	TRÂN	TC05AVB		22
23	07113363	VŨ QUANG	TUẤN	DH07NHGL		23
24	07213108	VŨ THỊ	TUYẾT	TC07NH		24
						25
						26
						27
						28
						29
						30
						31
						32

Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

Nguyễn Hữu Hải

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03118

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Tin học ứng dụng (908225)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06222192	NGUYỄN VĂN	CHỨC	TC06QTDN		5	1
2	06222021	NGÔ XUÂN	DIỆU	TC06QTTD		8	2
3	06222199	TRẦN HÙNG	DŨNG	TC06QTDN			3
4	06222204	ĐỖ MỘNG	ĐÀO	TC06QTDN		6	4
5	06222207	TRẦN THANH	ĐẠT	TC06QTDN			5
6	06222035	TRẦN TRỌNG	ĐẠT	TC06QTTD		6	6
7	06222041	CAO THÚY	HẰNG	TC06QTTD			7
8	06222042	KHƯƠNG NGUYỄN THU	HẰNG	TC06QTTD		8	8
9	06222141	ĐOÀN THANH	HÙNG	TC06QTTD		6	9
10	06222245	NGUYỄN TRƯỜNG XUÂN	LINH	TC06QTDN		3	10
11	06222254	BỒ XUÂN	NAM	TC06QTDN		5	11
12	06222265	HỒ ĐẮC	PHÚC	TC06QTDN		0	12
13	06222082	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	TC06QTTD			13
14	06222271	TRƯƠNG VĂN	QUÂN	TC06QTDN		5	14
15	06222279	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	TC06QTDN		6	15
16	06222093	VŨ BÁ	TÂM	TC06QTTD			16
17	06222095	BÙI NGỌC	THÀNH	TC06QTTD			17
18	06222101	NGUYỄN XUÂN	THIẾT	TC06QTTD			18
19	06222105	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	TC06QTTD		5	19
20	06222110	LÊ DUY	TOÀN	TC06QTTD			20
21	06222113	HUỲNH TRỌNG	TRAI	TC06QTTD			21
22	06222117	TRẦN NGỌC	TRÍ	TC06QTTD		6	22
23	06222311	LÝ THỊ MAI	TRINH	TC06QTDN			23
24	07150185	TẠ ĐÌNH THANH	TRUNG	DH07TM			24
25	06223482	NGUYỄN THỊ	VÂN	TC06QTDN			25
26	06222328	NGÔ TRƯỜNG	VINH	TC06QTDN		3	26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In D2106

Bảng Ghi Điểm Thi Học Lại/Học Vượt

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Thí nghiệm Lý (902201)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	Nhóm	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi Chú
1	05119026	NGUYỄN QUỐC	ANH	DH07CC	L	6,5	Sáu phẩy Năm		
2	06138019	PHẠM HỮU	HẠNH	DH07BQ	L	6	Sáu		
3	06230149	PHẠM TRUNG	HIẾU	TC06DT	L				
4	06230111	HOÀNG ĐÌNH	HỘI	TC06DT	L				
5	06153014	NGUYỄN VĂN	HUY	DH07CD	L	1	một		
6	07138038	ĐINH VĂN	MINH	DH07TD	L	4,0	bốn		
7	05230044	NGUYỄN LÊ	MINH	TC05DTDN	L				
8	07130102	CAO VĂN	QUÝ	DH07DTH	L				
9	07137046	TRẦN VĂN	THANH	DH07BQ	L	5,0	năm		
10	05138019	PHẠM VIẾT	TIẾN	DH07TD	HL	6,0	Sáu		
11	06230152	NGUYỄN ANH	TUẤN	TC06DT	L				
12	06119035	NGUYỄN ANH	VŨ	DH07CC	L				

Lưu ý : Cán bộ coi thi không ghi thêm sinh viên vào danh sách

Ngày 01 tháng 03 năm 2011

Cán bộ coi thi 1 _____ Cán bộ coi thi 2 _____

Xác nhận của bộ môn _____ Cán bộ chấm thi 1 _____ Cán bộ chấm thi 2 _____

Lê Nguyễn Hữu Anh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00671 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Họ c Kỳ 2 - Nă m Họ c 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : TN hó a Phâ n tí ch (902318)

STT	Mã SV	Họ Và Tê n		Lớ p	Ký tê n	Điể m	Tô đậ m vò ng trò n cho điể m nguyê n
1	05212304	LÊ CHÍ	CƯỜNG	TC05TY		5,0	1
2	05212305	LÊ TRỌNG	DINH	TC05TY		6,0	2
3	05212317	LÊ CÔNG	HIỆU	TC05TY		6,0	3
4	06211117	BÙI PHI	LONG	TC06CNNX			4
5	07111225	BÙI VĂN	PHÚC	DH07TA		8,0	5
6	04113095	NGUYỄN VĂN	RÃY	DH05NHA		5,0	6
7	05212584	NGUYỄN THANH	SANG	TC05TY		5,0	7
8	05213098	NGUYỄN ANH	THANH	TC05NH		7,0	8
9	06211134	LÊ VĂN	TRÍ	TC06CNNX			9
10	06212231	BÙI QUỐC	TRUNG	TC06TY			10
11	05213072	PHẠM ANH	TUẤN	TC05NH		6,0	11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

Nguyễn Minh Luân Phạm Thị Bích Vân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00391 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Họ c Kỳ 2 - Nă m Họ c 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Thí nghiệ m sinh 1 (902406)

STT	Mã SV	Họ Và Tê n		Lớ p	Ký tê n	Điể m	
1	04212266	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	TC04TYBP			1
2	05212307	TRẦN ĐÌNH	DUY	TC05TYBD		8,0	2
3	05212415	LƯƠNG THIỆN	ĐẠT	TC05TY		8,0	3
4	07212023	PHAN THANH	HẢI	TC07TY		5,0	4
5	06212168	NGUYỄN TRUNG	HIỀN	TC06TY		8,0	5
6	07212087	ĐINH TUẤN	KHANH	TC07TY		7,0	6
7	06211015	NGUYỄN VĂN	LONG	TC06CNBR		8,0	7
8	07212040	TỐNG SƠN	LONG	TC07TY		7,0	8
9	06212191	NGUYỄN TẤN	LUÔN	TC06TY		7,0	9
10	04213141	LÊ DUY	NAM	TC04NHBX		5,0	10
11	07212054	VÕ ĐIỀN	PHONG	TC07TY		6,0	11
12	07212061	NGUYỄN NGỌC	SANG	TC07TY			12
13	06212108	NGUYỄN PHƯỚC	THÀNH	TC06TYCT			13
14	07212068	PHẠM VĂN	TÌNH	TC07TY			14
15	07212072	LÊ MINH	TRÍ	TC07TY		7,0	15
16	05212684	PHẠM ANH	TUẤN	TC05TYTG			16

Tô đậ m vò ng trò n cho điể m nguyê n

17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 15 tháng 3 năm 11

Lê Ngọc Thông

Phạm Thị Huyền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00390 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Họ c Kỳ 2 - Nă m Họ c 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Thí nghiệ m sinh thự c (902404)

STT	Mã SV	Họ Và Tê n		Lớ p	Ký tê n	Điể m		Tô đậ m vò ng trò n cho điể m nguyê n
1	03212013	NGÔ THỊ THÙY	BẠCH	TC03TY			1	0
2	03212676	TRẦN DUY	BÌNH				2	0
3	06212157	VƯƠNG ĐÌNH	DƯƠNG	TC06TY		7,0	3	7
4	07212018	TRẦN HỮU	ĐỨC	TC07TY		8,0	4	8
5	05212310	TRẦN MINH	ĐỨC	TC05TYBD		4,0	5	4
6	06212162	NGUYỄN MINH	HẢI	TC06TY		3,0	6	3
7	06212168	NGUYỄN TRUNG	HIẾN	TC06TY		7,0	7	7
8	03212234	THÁI MINH	HOÀNG	TC03TYBD		5,0	8	5
9	03114009	BÙI ĐỨC	HOẠT	DH04LN			9	0
10	07212087	ĐINH TUẤN	KHANH	TC07TY		8,0	10	8
11	04213141	LÊ DUY	NAM	TC04NHBX		5,0	11	5
12	06212202	NGUYỄN VĂN	PHONG	TC06TY		6,0	12	6
13	06212099	NGUYỄN TRÍ	PHÚC	TC06TYCT		9,0	13	9
14	06212108	NGUYỄN PHƯỚC	THÀNH	TC06TYCT			14	0
15	06217030	HUỲNH THỊ CẨM	THU	TC06CTCT		6,0	15	6
16	07212077	LÂM VĂN	TÚ	TC07TY		7,0	16	7
17	05212684	PHẠM ANH	TUẤN	TC05TYTG			17	0
18	04212411	ĐINH VĂN	TÚC	TC04TY			18	0
19	06212236	HỒ LÊ BĂNG	TUYỀN	TC06TY			19	0
20	05212688	TRẦN NGUYỄN TÚ	UYÊN	TC05TYTG			20	0
						2,0	21	2
							22	0
							23	0
							24	0
							25	0
							26	0
							27	0
							28	0
							29	0
							30	0
							31	0
							32	0

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng .....năm.....

Lê Ngọc Thống

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00339

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Cấu trúc máy tính (914245)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	05230024	HỒNG THỊ	HUỆ	TC05DTDN		7	1
2	05230027	QUÁCH THỊ THANH	HUYỀN	TC05DTDN		4	2
3	07130082	NGUYỄN TÚ	NGHĨA	DH07DTH		7	3
4	06130055	ĐINH GIA	NGUYÊN	CD07TH		6	4
5	05230051	ĐẶNG VĂN	PHONG	TC05DTDN		2	5
6	05230056	ĐÀO BÁ	QUYỀN	TC05DTDN		6	6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 22 tháng 05 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00336 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Cấu trúc máy tính (914216)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm
1	05329009	TRẦN TIẾN	CHUNG	CD06TH		2
2	07153004	NGUYỄN CẢNH	CỪ	DH07CD		5
3	07329017	TRẦN QUỐC	DANH	CD07TH		3
4	07153062	PHẠM QUANG	LĨNH	DH07CD		8

Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên

	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1				●								
2							●					
3					●							
4										●		
5												
6												
7												
8												
9												
10												
11												
12												
13												
14												
15												
16												
17												
18												
19												
20												
21												
22												
23												
24												
25												
26												
27												
28												
29												
30												
31												
32												

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00187 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Tin học ứng dụng (907226)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm
1	07137001	NGUYỄN TRUNG	DŨNG	DH07NL		✓
2	06154051	LÊ MINH	HIẾU	DH07OT		5
3	06154056	NGÔ ĐẠI	NGHĨA	DH07OT		3
4	07137008	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	DH07NL		3
5	07137046	TRẦN VĂN	THANH	DH07NL		6

Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trường Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 24 tháng 05 năm 2011

Đặng N. H. Đăng Đặng N. H. Đăng

Nguyễn Nhã Nam Nguyễn Văn Hưng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00191 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : ĐA thiết kế nhà máy CBNSTP (907247)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm
1	05119068	NGUYỄN VĂN	TÚ	DH05CC		5

Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên

1	5
2	
3	
4	
5	
6	
7	
8	
9	
10	
11	
12	
13	
14	
15	
16	
17	
18	
19	
20	
21	
22	
23	
24	
25	
26	
27	
28	
29	
30	
31	
32	

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00317 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : TESOL methodology (913309)

STT	Mã SV	Họ Và Tên
1	07128060	ĐINH THANH
2	05228107	NGUYỄN THỊ QUẾ

	Lớp	Ký tên
PHONG	DH07AVQ	
TRÂN	TC05AVB	

Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	0
2	8
3	
4	
5	
6	
7	
8	
9	
10	
11	
12	
13	
14	
15	
16	
17	
18	
19	
20	
21	
22	
23	
24	
25	
26	
27	
28	
29	
30	
31	
32	

Số bài: 01 Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày ...tháng ...năm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00193

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Ngoại ngữ chuyên ngành (907254)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	05119026	NGUYỄN QUỐC	ANH	DH07CC		2,1	2
2	05119059	PHẠM THÁI	SƠN	DH07CC		3,2	3
3	06119035	NGUYỄN ANH	VŨ	DH07CC		2,3	2
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
11							
12							
13							
14							
15							
16							
17							
18							
19							
20							
21							
22							
23							
24							
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							

Số bài: 3 Số tờ: 3 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 11 tháng 05 năm 2011

2/2/05

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02799 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Ngoại ngữ chuyên ngành TD (907501)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06138042	PHẠM VĂN	SƠN	DH07TD		3	1
							2
							3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 11 tháng 05 năm 2011

11/05

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02749

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Thẩm định giá (908350)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06223392	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGA	TC06KEDN		5	1
2	06223396	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	TC06KEDN		5	2
3	06223408	LÊ THÚY	PHƯỢNG	TC06KEDN		5	3
4	06223415	TRẦN THỤY GIA	QUYÊN	TC06KEDN		5	4
5	06223496	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	TC06KEDN		5	5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 05 Số tờ: 05 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00271 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Đăng ký thống kê (909406)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	04224004	HUỲNH QUỐC SỬ	BÌNH	TC04QL		5,0	1
							2
							3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 01 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02785

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kế toán tài chính 2-KE (908348)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	05223461	ĐOÀN THỊ	DOAN	TC05KE		1	1
2	05223307	HÀ HỮU	HÂN	TC05KEDA		2	2
3	06223374	LƯU THỊ	LUYÊN	TC06KEDN		3	3
4	06223385	ĐINH THỊ	MẾN	TC06KEDN		4	4
5	06223075	TRẦN VĂN	MINH	TC06KETD		5	5
6	06223393	NGUYỄN LÊ THỊ	NGA	TC06KEDN		6	6
7	07123142	LÊ NGUYỄN ÁNH	NGỌC	DH07KEB		7	7
8	06223089	LÊ TÚ	NHI	TC06KETD		8	8
9	07363137	ĐẶNG VĂN	PHƯỚC	CD07KE		9	9
10	05223225	NGUYỄN THỊ LAN	PHƯƠNG	TC05KEDA		10	10
11	05223377	TẠ THANH	THẢO	TC05KEDA		11	11
12	06223690	HOÀNG THỊ	TOÀN	TC06KEVQ		12	12
13	04223109	VŨ ĐỨC	TUẤN	TC04KETD		13	13
						14	14
						15	15
						16	16
						17	17
						18	18
						19	19
						20	20
						21	21
						22	22
						23	23
						24	24
						25	25
						26	26
						27	27
						28	28
						29	29
						30	30
						31	31
						32	32

Số bài: 01 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 11 tháng 5 năm 11

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02724 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1 (908110)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07223009	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	TC07KETD		4	1	4
2	07224210	PHAN KHÁNH	DUY	TC07QL		5	2	5
3	07224211	TRẦN LÊ	DUY	TC07QL		5	3	5
4	07222023	TRỊNH THỊ ANH	ĐÀO	TC07QTTD		8	4	8
5	07224216	NGUYỄN VĂN	ĐIỀN	TC07QL		2	5	2
6	07124025	NGUYỄN VIỆT	HÀ	DH07QL		5	6	5
7	07224217	NGUYỄN MINH	HẢI	TC07QL		4	7	4
8	06223650	LÊ CÔNG	HẦU	TC06KEVQ		4	8	4
9	07223029	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	TC07KETD		7	9	7
10	06224039	LÝ VĂN	HÙNG	TC06QLQ9		5	10	5
11	07223040	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	TC07KETD		7	11	7
~~12~~	~~07222055~~	~~BÙI TẤN CÔNG~~	~~KHANH~~	~~TC07QTTD~~			~~12~~	
~~13~~	~~07222057~~	~~BÙI MINH ĐĂNG~~	~~KHOA~~	~~TC07QTTD~~			~~13~~	
14	07222066	VÕ THỊ HỒNG	LOAN	TC07QTTD		5	14	5
15	07222067	ĐẶỢNG NHƯ	LỢI	TC07QTTD		6	15	6
16	07222082	PHẠM THỊ	NHẬT	TC07QTTD		6	16	6
17	07223195	TRƯƠNG MINH	NIỆM	TC07QL		5	17	5
~~18~~	~~06224065~~	~~LÊ DUY~~	~~PHƯƠN~~	~~TC06QLQ9~~			~~18~~	
~~19~~	~~06224077~~	~~NGUYỄN NGỌC~~	~~SÁNG~~	~~TC06QLQ9~~			~~19~~	
20	07213034	PHẠM XUÂN	SƠN	TC07QL		5	20	5
21	07224287	TRÀ XUÂN	TẤN	TC07QL		4	21	4
~~22~~	~~05223377~~	~~TẠ THANH~~	~~THẢO~~	~~TC05KEDA~~			~~22~~	
23	07223100	TRẦN THỊ THU	THẢO	TC07KETD		4	23	4
~~24~~	~~05223380~~	~~PHAN TRỌNG~~	~~THẮNG~~	~~TC05KEDA~~			~~24~~	
25	06124115	NGUYỄN MẠNH	THẾ	DH07QL		7	25	7
26	06222406	NGUYỄN QUANG	THỊNH	TC06QTVQ		3	26	3
27	05223541	NGUYỄN THỊ	THO	TC06QLQ9		8	27	8
28	07223102	ĐINH THỊ	THOA	TC07KETD		8	28	8
29	07222129	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	TC07QTTD		8	29	8
30	06224232	NGUYỄN VĂN	TIỂN	TC06QLBT		8	30	8
31	07224263	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	TC07QL		8	31	8
32	07223118	VŨ THỊ	TRANG	TC07KETD		9	32	9

Số bài: 32 Số tờ: 32 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 24 tháng 05 năm 2011

Ng Thị Thu Hồ Minh Hoàng

1/2 DS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02724 Trang 2/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1 (908110)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	04224604	VÕ ĐỨC	TRỌNG	TC04QLNT		3	1	3
34	06224235	TRỊNH MINH	TRUNG	TC06QLBT		8	2	8
35	07224286	NGUYỄN THANH	TÚ	TC07QL		5	3	5
~~36~~	~~07222149~~	~~TRẦN QUỐC~~	~~TUẤN~~	~~TC07QTTD~~			4	
37	06224557	TRẦN QUANG	TƯỞNG	TC06QL		2	5	2
~~38~~	~~07363214~~	~~ĐỖ QUÝ PHƯƠNG~~	~~UYÊN~~	~~CD07KE~~			6	
39	07224269	LÊ QUỐC	VIỆT	TC07QL		5	7	5
40	06222422	BÙI HIỂN	VINH	TC06QTVQ		2	8	2
							9	
							10	
							11	
							12	
							13	
							14	
							15	
							16	
							17	
							18	
							19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: 32 Số tờ: 32 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 24 tháng 05 năm 2011

Đỗ Minh Hoàng

21 2 05

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02715 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1 (208110)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
~~1~~	~~08224029~~	~~LÊ HOÀNG DUY~~	~~KHƯƠNG~~	~~TC08QL~~		~~1~~	
2	08224030	ĐẶNG HOÀNG	LÂM	TC08QL		3 2	
~~3~~	~~08224033~~	~~ĐOÀN XUÂN~~	~~LUẬT~~	~~TC08QL~~		~~3~~	
4	08224057	TRẦN ĐỖ NHẬT	TRƯỜNG	TC08QL		3 4	
						5	
						6	
						7	
						8	
						9	
						10	
						11	
						12	
						13	
						14	
						15	
						16	
						17	
						18	
						19	
						20	
						21	
						22	
						23	
						24	
						25	
						26	
						27	
						28	
						29	
						30	
						31	
						32	

Số bài: 02 Số tờ: 02 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 24 tháng 05 năm 2011

Đỗ Minh Hoàng

3/3 05

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00300

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Sinh học phân tử (911106)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06126179	NGUYỄN TRUNG	TUYẾN	DH06SH		1	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 31 Số tờ: 31 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 11 tháng 05 năm 11

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Phương pháp tiếp cận khoa học (204919)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên
1	08213036	~~NGUYỄN TRUNG TOÀN~~	TC08NH	

Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm...

Vũ Ngọc Hà Vi

1/2 DS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02746 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Phương pháp tiếp cận khoa học (904311)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07213007	VÕ CHÍ	CÔNG	TC07NH		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07113341	TRẦN SỸ	NGUYÊN	DH07NHGL		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06113094	LÊ ĐỨC	THUẬN	DH07NHA		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06113110	NGUYỄN BÁ	TRỌNG	DH07NHA		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 03 Số tờ: 02 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày ....tháng .... năm....

Vũ Ngọc Hà Vi

2/2015

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00155 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Vi sinh đại cương M (906124)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	05336020	NGUYỄN VĂN	CẢNH	CD06CS		5	1
							2
							3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 25 tháng 5 năm 2011

Vũ Thị Lâm An

Vũ T. Lâm An

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00258 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Hệ thống thông tin địa lý (908518)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07143106	LÊ THỊ CẨM	TÚ	DH07KM		1	1
						2	
						3	
						4	
						5	
						6	
						7	
						8	
						9	
						10	
						11	
						12	
						13	
						14	
						15	
						16	
						17	
						18	
						19	
						20	
						21	
						22	
						23	
						24	
						25	
						26	
						27	
						28	
						29	
						30	
						31	
						32	

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 8 tháng 8 năm 2011

112-05

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00265 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Hệ thống thông tin địa lý (909304)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm
1	06224021	ĐỖ THỊ SƠN	HÀ	TC06QLQ9		
2	03224014	HUỲNH THỊ NGỌC	HƯƠNG	TC04QL		
3	06224071	LIỄU TRUNG	QUÂN	TC06QLQ9		
4	06224560	NGUYỄN ĐỨC	Ý	TC06QL		

	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	0
2	0
3	0
4	0
5	V
6	V
7	V
8	V
9	V
10	V
11	V
12	V
13	V
14	V
15	V
16	V
17	V
18	V
19	V
20	V
21	V
22	V
23	V
24	V
25	V
26	V
27	V
28	V
29	V
30	V
31	V
32	V

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày ...tháng ...năm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02734 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Pháp luật đại cương (902622)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06224501	HUỲNH TẤN	AN	TC06QL			1	
2	06224502	LÊ VĂN	BÌNH	TC06QL			2	
3	06222189	TRẦN THANH	BÌNH	TC06QTDN			3	
4	06222025	ĐỖ NGỌC NGUYỄN	DŨNG	TC06QTTD		7,0	4	7
5	07137001	NGUYỄN TRUNG	DŨNG	DH07NL			5	
6	02220011	PHẠM VĂN	DUY	TC02KT			6	
7	05223029	VÕ THỊ HỮU	DUYÊN	TC05KETD		6,0	7	6
8	06222208	TRƯƠNG VĂN	ĐOÀN	TC06QTDN			8	
9	05224371	HUỲNH PHI	HẢI	TC05QLBX			9	
10	06224029	NGUYỄN THỊ TUYẾT	HẰNG	TC06QLQ9		7,0	10	7
11	07135023	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	DH07TB		9,0	11	9
12	06223199	VŨ QUỐC	HOÀNG	TC06KETL			12	
13	05223627	QUÁCH MẠNH	HUÂN	TC05KEBL			13	
14	07224140	NGUYỄN THẠCH	LAM	TC07QLBN		8,0	14	8
15	07135041	NGUYỄN QUANG	LONG	DH07TB		6,0	15	6
16	06224573	ĐÀO THỊ TRÚC	MAI	TC06QL			16	
17	07138038	ĐINH VĂN	MINH	DH07TD			17	
18	06223556	VÕ DUY	PHƯƠNG	TC06KE			18	
19	05224397	ĐẶNG THÁI	SƠN	TC05QLBX			19	
20	06223560	NGUYỄN THỊ	THẢO	TC06KE			20	
21	05223681	LÂM CHÁNH	THỨC	TC05KEBL			21	
22	02224281	QUÁCH HOÀNG	TÍN	TC02QLBD		8,0	22	8
23	05223127	TRẦN ĐỨC	TRỌNG	TC05KETD			23	
24	07115017	TRẦN NHẬT	TRUNG	DH07CB			24	
25	07223233	TRẦN NHỰT	TRƯỜNG	TC07KE		7,0	25	7
26	07138014	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	DH07TD			26	
27	06222133	ĐỖ THỊ	VÂN	TC06QTTD		7,0	27	7
28	05122065	PHẠM TẤN	VĨ	DH05QT			28	
29	06222422	BÙI HIỂN	VINH	TC06QTVQ			29	
30	05224076	NGUYỄN HỒ CHUNG	VŨ	TC05QLBN			30	
31	06115065	CHÂU NGỌC	VƯƠNG	DH06CB			31	
							32	

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 22 tháng 6 năm 11

Nguyễn Thị Ngọc Nữ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00008

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Thực vật học và phân loại TV (202416)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07213111	NGÔ HOàI	BẢO	TC07NH		6,0	6
2	07213007	VÕ CHÍ	CÔNG	TC07NH			0
3	07213015	ĐINH MINH	HIẾU	TC07NH		6,0	6
4	07213097	NGUYỄN THàNH	TÂM	TC07NH		6,0	6
5	07213080	PHẠM HỒNG	THÁI	TC07NH		7,0	7
6	07213036	PHẠM LƯƠNG	THIỆN	TC07NH		5,0	5
7							
8							
9							
10							
11							
12							
13							
14							
15							
16							
17							
18							
19							
20							
21							
22							
23							
24							
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							

Số bài: 05 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..5.. năm 2011

Phạm Thị Huyền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03125 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Thực vật học & phân loại TVật (902416)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm
7	07145126	LÊ THÀNH	CÔNG	DH07BVA	Công	5,0
8	07113346	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	DH07NHGI.		

Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên

1	●
2	
3	
4	
5	
6	
7	
8	
9	
10	
11	
12	
13	
14	
15	
16	
17	
18	
19	
20	
21	
22	
23	
24	
25	
26	
27	
28	
29	
30	
31	
32	

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng 5 năm 2011

Phạm Thị Huyền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00508 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Thiết kế chăn nuôi (903212)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06211005	NGUYỄN VĂN	BÌNH	TC06CNBR		7	1	7
2	07111178	ĐẶNG PHƯỚC	HÙNG	DH07CN		7	2	7
3	07111185	HUỲNH VĂN	KHA	DH07TA		8	3	8
4	06211117	BÙI PHI	LONG	TC06CNNX		5	4	5
5	07111065	NGUYỄN BÁ	LONG	DH07CN		5	5	5
6	07111221	LƯU HUỲNH HOÀNG	OANH	DH07CN		5	6	5
7	06211030	PHẠM THỊ BẢO	THOA	TC06CNBR		7	7	7
8	06211031	NGUYỄN THỊ KIỀU	THU	TC06CNBR		6	8	6
9	07111252	LÊ MINH	TÍN	DH07CN		6	9	6
10	06211056	TRẦN VĂN	TÍNH	TC06CNBR			10	
11	07111277	NGUYỄN TRẦN THỤC	UYÊN	DH07CN			11	
12	06211044	VÕ PHƯỚC	VINH	TC06CNBR		5	12	5
							13	
							14	
							15	
							16	
							17	
							18	
							19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: 11 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00156 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Ngư loại học I (906134)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	05116006	NGUYỄN ĐÌNH VŨ	DUY	DH06NT		7	1	7
2	07141037	NGUYỄN THANH	GIÀU	DH07NY		6	2	6
3	07141049	NGUYỄN MINH	HƯNG	DH07NY		7	3	7
4	07116080	NGUYỄN LÊ THANH	HƯƠNG	DH07NT		5	4	5
5	07116216	DƯƠNG MINH	TRUNG	DH07NT		7	5	7
							6	
							7	
							8	
							9	
							10	
							11	
							12	
							13	
							14	
							15	
							16	
							17	
							18	
							19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài 05 Số tờ: 05 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 17 tháng 05 năm 2011

Nguyễn Phúc Thường

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02780 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kế toán thương mại (908375)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06223508	NGUYỄN THỊ TRANG	CHÂU	TC06KE		5	1	
2	06223589	VŨ DUY	CÔNG	TC06KE		5	2	
3	06223510	NGUYỄN DOÃN	DŨNG	TC06KE		6	3	
4	04223211	BÙI PHÚC HOÀNG	DUY	TC05KETD		6	4	
5	06223514	H ' ZENNI	ÊBAN	TC06KE		5	5	
6	06223515	Y KHUYÊN	ÊBAN	TC06KE		5	6	
7	06223516	H ' NGUÔN	ÊNUÔL	TC06KE		5	7	
8	06223524	PHẠM THỊ	HIỀN	TC06KE		5	8	
9	06223525	NGUYỄN THỊ	HOA	TC06KE		5	9	
10	06223601	NGUYỄN THỊ	HOA	TC06KE		5	10	
11	06223602	PHAN VĂN	HÙNG	TC06KE		5	11	
12	06223533	NGUYỄN THỊ THU	KHÁNH	TC06KE		6	12	
13	06223536	H ' NAT	KTLA	TC06KE		5	13	
14	06223543	HOÀNG TIẾN	LỰC	TC06KE		5	14	
15	06223547	CHU THỊ PHƯƠNG	MAI	TC06KE		7	15	
16	06223591	NGUYỄN BÁ	MẠNH	TC06KE		5	16	
17	06223608	LÊ THỊ	NHƠN	TC06KE		6	17	
18	06223561	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	TC06KE		6	18	
19	06223605	DƯƠNG NGỌC	TỊNH	TC06KE		5	19	
20	07123248	LÊ THỊ HUYỀN	TRÂM	DH07KEB		5	20	
21	06223570	LÊ ĐÌNH	TRUNG	TC06KE		6	21	
22	06223577	PHAN THỊ HỒNG	VÂN	TC06KE		6	22	
23	06223596	LÂM TRỌNG	VŨ	TC06KE		5	23	
24	06223593	NGUYỄN THỊ KIM	XUYẾN	TC06KE		6	24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: 24 Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày ...tháng ... năm..

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02794

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Đánh giá đất đai (909705)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06224501	HUỲNH TẤN	AN	TC06QL		5	1
2	06224259	NGUYỄN HỮU	BẰNG	TC06QLCM			2
3	05224004	BÙI THANH	BÌNH	TC05QLBN		5	3
4	06224502	LÊ VĂN	BÌNH	TC06QL		5	4
5	05224254	NGUYỄN TRUNG	BÌNH	TC05QL		5	5
6	06224506	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	TC06QL		5	6
7	06224508	PHẠM VĂN	DÍ	TC06QL		5	7
8	06224271	CHU ĐÌNH	DUY	TC06QLCM			8
9	06224018	LÊ MINH	ĐỨC	TC06QLQ9			9
10	05224366	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	TC05QLBX		5	10
11	06224280	NGUYỄN CHÍ	GIÀU	TC06QLCM			11
12	06224021	ĐỖ THỊ SƠN	HÀ	TC06QLQ9		5	12
13	04224024	VŨ DƯƠNG	HẢI	TC04QL		5	13
14	06224178	NGUYỄN ĐOÀN	HUY	TC06QLBT			14
15	06224181	NGUYỄN CHÍ	HỮU	TC06QLBT			15
16	06224183	TRẦN QUANG	KHÁNH	TC06QLBT			16
17	06224357	TÔ TUẤN	KIỆT	TC06QLCM			17
18	06224185	DIỆP AN	LẠC	TC06QLBT			18
19	05224501	NGUYỄN VĂN	LỰC	TC05QL		5	19
20	05224042	TRẦN DUY	PHONG	TC05QLBN		5	20
21	06224077	NGUYỄN NGỌC	SÁNG	TC06QLQ9		5	21
22	05224397	ĐẶNG THÁI	SƠN	TC05QLBX		5	22
23	06224224	NGUYỄN PHƯỚC	THẢO	TC06QLBT			23
24	05224063	TRỊNH HOÀNG SƠN	THÚY	TC05QLBN		5	24
25	06224228	HUỲNH THỊ	THƯ	TC06QLBT			25
26	06224340	LÊ CÔNG	TỊNH	TC06QLCM			26
27	05224101	HUỲNH HỮU	TRUNG	TC05QLBN		5	27
28	05224413	PHẠM NGỌC	TUẤN	TC05QLBX			28
29	06224240	TRẦN HOÀNG	VIỆT	TC06QLBT			29
							30
							31
							32

Số bài: 29 Số tờ: 15 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 15 tháng 1 năm 11

1/2DS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00278

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Đánh giá đất (909610)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
30	05135004	LIỄU LẠI	GIANG	DH05TB		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

2/2/09

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00296 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Nước Trong CNTP-X.lý nước thải (910405)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm
1	07125082	NGUYỄN MINH	HÙNG	DH07BQ		3

Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên

1	V	0	1	2	**3**	4	5	6	7	8	9	10
2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
12	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
13	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
14	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
15	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
16	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
17	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
20	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
21	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
23	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
31	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Số bài: 1 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 26 tháng 6 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02786 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Cây ăn quả nhiệt đới (904401)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	03213010	BÙI MINH ĐIỆP	TC03NH		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00186

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Nhiệt kỹ thuật I (907223)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm
1	07153071	NGUYỄN VĂN	QUYẾT	DH07CD		7

Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên

	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	V 0 1 2 3 4 5 6 **7** 8 9 10
2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 21 tháng 5 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00188 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : PPBTTN & xử lí số liệu (907234)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07137031	TRƯƠNG QUANG	HUY	DH07NL		7	1
2	07137008	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	DH07NL		6	2
3	05137087	NGUYỄN THẾ	SIÊU	DH07NL		8	3
4	07137046	TRẦN VĂN	THANH	DH07NL		8	4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài 4 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 29 tháng 5 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02723

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kinh tế nông lâm ĐC (908104)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06212305	NGÔ VĂN QUỐC	CÔNG	TC06TYVL		1	
2	05212509	BÙI QUANG	ĐIỀN	TC05TYLA		2	
3	06212168	NGUYỄN TRUNG	HIỀN	TC06TY		3	
4	04212219	NGUYỄN VŨ THANH	HIỂN	TC04TYBP		4	
5	06212069	NGUYỄN QUỐC	HOÀN	TC06TYCT	Sáu	5	5
6	05212521	DƯƠNG MINH	KHOA	TC05TYLA		6	
7	06212076	TRẦN ĐĂNG	KHOA	TC06TYCT	Năm	8	8
8	04212050	VĂN THỊ KIM	LỢI	TC04TYTG		8	
9	05212529	TRƯƠNG THỊ TRÚC	LY	TC05TYLA		9	
10	06212091	NGUYỄN HỮU	NGHĨA	TC06TYCT	Sáu	10	6
11	06212094	NGÔ THỊ NHƯ	NGỌC	TC06TYCT	Bảy	11	7
12	05212330	LÊ THỊ THANH	NHIÊN	TC06TY	Năm	12	5
13	04212084	NGUYỄN VĂN	THÀNH	TC04TYTG		13	
14	05212544	NGUYỄN ĐĂNG	THI	TC05TYLA		14	
15	05212550	NGUYỄN THÀNH	TRÍ	TC05TYLA		15	
16	05212345	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	TC05TYBD		16	
						17	
						18	
						19	
						20	
						21	
						22	
						23	
						24	
						25	
						26	
						27	
						28	
						29	
						30	
						31	
						32	

Số bài: 05 Số tờ: 05 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 21 tháng 5 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02748 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kinh tế vi mô 1 (908109)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06222015	NGUYỄN VĂN	CHÁNH	TC06QTTD		Ba	1
2	05224327	TRẦN	CƯƠNG	TC05QL			2
3	06222208	TRƯƠNG VĂN	ĐOÀN	TC06QTDN		Ba	3
4	07224217	NGUYỄN MINH	HẢI	TC07QL			4
5	06222055	NGÔ MINH	KHẢI	TC06QTTD		Hai	5
6	03224029	LÊ HOÀNG VŨ	LÂM	TC03QL		Bốn	6
7	07143070	HUỲNH	LÂN	DH07KM			7
8	06222064	HUỲNH VĂN	LÂN	TC06QTTD		Tám	8
9	07223052	TRƯƠNG THANH	LOAN	TC07KETD		Năm	9
10	03224033	LÊ PHƯỚC	LỢI	TC03QL		Năm	10
11	04224042	NGUYỄN HOÀI	NAM	TC04QL			11
12	06224052	ĐẶNG THỊ	NGA	TC06QLQ9		Ba	12
13	06223554	NGUYỄN VĂN	NHỨT	TC06KE		Bốn	13
14	06223094	VÕ THỊ	NINH	TC06KETD		Bốn	14
15	07223076	ĐỖ THỊ HOÀNG	OANH	TC07KETD		Bốn	15
16	06224065	LÊ DUY	PHƯƠNG	TC06QLQ9		Sáu	16
17	07223084	ĐẶNG THỊ LINH	PHƯỢNG	TC07KETD		Ba	17
18	07223093	LÊ THỊ TUYẾT	SƯƠNG	TC07KETD		Năm	18
19	03224059	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THANH	TC03QL			19
20	06222095	BÙI NGỌC	THÀNH	TC06QTTD			20
21	05223377	TẠ THANH	THẢO	TC05KEDA			21
22	06124115	NGUYỄN MẠNH	THẾ	DH07QL			22
23	06222101	NGUYỄN XUÂN	THIẾT	TC06QTTD			23
24	06222110	LÊ DUY	TOÀN	TC06QTTD		Bốn	24
25	06223570	LÊ ĐÌNH	TRUNG	TC06KE		Bốn	25
26	05120059	NGUYỄN QUANG	VINH	DH05KT		Bảy	26
27	07223139	VÕ THỊ HẢI	YẾN	TC07KETD		Bốn	27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 18 Số tờ: 18 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 28 tháng 6 năm 11

Lê Vũ

Thái Anh Hà

2/2 DS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02745 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : *Kinh tế vi mô 1 (208109)*

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
29	08224030	ĐẶNG HOÀNG	LÂM	TC08QL		Bốn	1
29	08224033	ĐOÀN XUÂN	LUẬT	TC08QL		Năm	2
33	08224045	PHAN NGỌC	QUỲNH	TC08QL		Sáu	3
34	08224057	TRẦN ĐỖ NHẬT	TRƯỜNG	TC08QL		Sáu	4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 4 Số tờ: 4 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 22 tháng 6 năm 11

Lê Vũ

112 05

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00157 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Vi sinh UD trong TS (906218)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07116142	TRẦN MINH	NHỰT	DH07NT	[signature]	6,3	1
2	07116230	LÊ PHÚ	TÙNG	DH07NT	[signature]	6,7	2
							3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 2 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 27 tháng 5 năm 2011

[signature] Lê Cao Thế [signature] Nguyễn Hữu Thịnh [signature]

[signature] Phạm Thanh Hải Nguyễn Hữu Thịnh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00165 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : KT chất lượng SP TS (906416)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07117085	TRẦN THỊ	LƯƠNG	DH07CT		7,3	1
							2
							3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 57 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 23 tháng 5 năm 2011

Ng T Chi Bảo

Nguyễn Hữu Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00138

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Bệnh đại cương (904704)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06213117	VƯƠNG ĐĂNG	GIÁP	TC06NHNX		1	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07213049	NGUYỄN THỊ BÍCH	TÙNG	TC07NH		2	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

Trần Thị Mỹ Thuận Trần Thị Mỹ Thuận

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00129 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Giống cây trồng (904208)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07213079	HUỲNH TRỌNG	KHÔI	TC07NH		5,3	1	5
2	07213094	NGUYỄN TẤN	PHƯỚC	TC07NH		5,1	2	5
3	07213036	PHẠM LƯƠNG	THIỆN	TC07NH		5,0	3	5
							4	
							5	
							6	
							7	
							8	
							9	
							10	
							11	
							12	
							13	
							14	
							15	
							16	
							17	
							18	
							19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 26 tháng 05 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02756 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Khí tượng đại cương (904606)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07213111	NGÔ HOàI	BẢO	TC07NH		2	1	2
2	0821~~3053~~	~~TRẦN VĂN~~	~~CHIẾN~~	~~TC08NH~~			2	
3	0621311~~0~~	~~ĐỖ LÂM~~	~~DƯƠNG~~	~~TC06NHNX~~			3	
4	06213124	TRẦN VĂN	HÙNG	TC06NHNX		4	4	4
5	07213020	TRẦN BÁ	KHOA	TC07NH		3	5	3
6	0721307~~9~~	~~HUỲNH TRỌNG~~	~~KHÔI~~	~~TC07NH~~			6	
7	07113089	VÕ NGỌC THANH	LIÊM	DH07NHB		4	7	4
8	06113094	LÊ ĐỨC	THUẬN	DH07NHA		3	8	3
9	06113110	NGUYỄN BÁ	TRỌNG	DH07NHA		3	9	3
10	0714523~~0~~	~~DƯƠNG ĐÌNH~~	~~TRƯỜNG~~	~~DH07BVA~~			10	
							11	
							12	
							13	
							14	
							15	
							16	
							17	
							18	
							19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: 6 Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 16 tháng 05 năm 2011

ThS Ngô Minh Cảnh ThS. Mai Văn Khiêm

ThS Hồ Quý Thao

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00204 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kỹ thuật vi điều khiển (907613)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06153030	VÕ MINH TRUNG	DH07CD	√	√ 1	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 21 tháng 05 năm 20 11

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02792 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Chi tiết máy (907159)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07154004	HÀ QUỐC	CƯƠNG	DH07OT		5	1
2	07154058	TÀO VĂN	ĐỆ	DH07OT		5	2
3	07154060	ĐỖ ĐÌNH	HÒA	DH07OT		5	3
4	07154061	ĐỖ BÁ	HÙNG	DH07OT		5	4
5	07154019	NGUYỄN HOÀNG	LÂM	DH07OT		6	5
6	07154064	PHẠM QUANG	LIÊM	DH07OT		6	6
7	07154021	VŨ THÀNH	LUÂN	DH07OT		5	7
8	06154055	HOÀNG TIẾN	NAM	DH07OT		5	8
9	07154026	NGÔ VĂN	PHÚC	DH07OT		5	9
10	07154097	PHẠM HỮU	PHƯỚC	DH07OT		5	10
11	07154075	LÝ CHÍ	QUYỀN	DH07OT		5	11
12	07154084	ĐẶNG TIẾN	THẮNG	DH07OT		6	12
13	07154085	ĐÀO VĂN	THÂU	DH07OT		5	13
14	07154087	ĐỖ LƯU	TIẾN	DH07OT		5	14
15	07154088	NGUYỄN VIẾT	TRUNG	DH07OT		5	15
16	07154045	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	TUẤN	DH07OT		5	16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 16 Số tờ: 16 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày ...tháng ... năm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02779 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Tài chính doanh nghiệp 1 (908347)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06223005	NGUYỄN THỊ NGỌC	CẨM	TC06KETD		6	1	
2	07223155	ĐẶNG THÀNH	CÔNG	TC07KE		5	2	
3	06223278	NGUYỄN THỊ KIỀU	DIỄM	TC06KETD		6	3	
4	05223298	LÊ ĐÌNH	DUY	TC05KEDA		4	4	
5	07223161	NGUYỄN TẤN	ĐIỆP	TC07KE			5	
6	07223249	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	TC07KE			6	
7	07223172	MAI XUÂN	HỌC	TC07KE		5	7	
8	07223240	TRƯƠNG VĂN	HÙNG	TC07KE		5	8	
9	06223044	NGUYỄN PHI	HUYNH	TC06KETD		6	9	
10	07123105	PHAN THỊ	LANG	DH07KEA		6	10	
11	06223063	TRẦN THỊ BÍCH	LIÊN	TC06KETD		7	11	
12	07224232	PHẠM TẤN	LỢI	TC07KE		5	12	
13	07223185	DƯƠNG HỒNG	NGÂN	TC07KE		5	13	
14	06223667	NGUYỄN THỊ CẨM	NGÂN	TC06KEVQ		5	14	
15	07123141	TRƯƠNG ĐỚI TRUNG	NGHĨA	DH07KEA		5	15	
16	07123142	LÊ NGUYỄN ÁNH	NGỌC	DH07KEB		7	16	
17	06223089	LÊ TÚ	NHI	TC06KETD		6	17	
18	06223111	NGUYỄN THỊ NHẬT	PHƯỢNG	TC06KETD		7	18	
19	07223201	TRẦN THỊ TUYẾT	PHƯỢNG	TC07KE			19	
20	06223122	NGUYỄN VĂN	TÂM	TC06KETD		6	20	
21	06223125	NGUYỄN THỊ	THẮM	TC06KETD		6	21	
22	07223212	TRẦN THỊ THANH	THỦY	TC07KE			22	
23	06223690	HOÀNG THỊ	TOÀN	TC06KEVQ		5	23	
24	06223168	CHU ĐÌNH	XINH	TC06KETD		6	24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: 19 Số tờ: 19 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 31 tháng 5 năm 11

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02759

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Toán cao cấp 1-K (902101)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07123352	LÊ LÊ PHAN	ANH	DH07KEGL		1	1
2	07123355	TRẦN THỊ PHƯƠNG	ANH	DH07KEGL		2	2
3	07123358	NGUYỄN ĐÌNH	BÌNH	DH07KEGL		3	3
4	06222025	ĐỖ NGỌC NGUYỄN	DŨNG	TC06QTTD		4	4
5	07222023	TRỊNH THỊ ANH	ĐÀO	TC07QTTD		5	5
6	06223639	PHẠM THỊ	ĐÔNG	TC06KEVQ		5	5
7	06223305	ĐẶNG THỊ THU	HÀ	TC06KEDN		5	5
8	06223301	TRỊNH CÔNG	HÀ	TC06KEDN		1	1
9	06223308	ĐÀO THỊ THU	HẢI	TC06KEDN		5	5
10	06222366	ĐẶNG KHẢ	HÂN	TC06QTVQ		1	1
11	06223650	LÊ CÔNG	HẬU	TC06KEVQ		5	5
12	06222218	HÀ VĂN	HIỆP	TC06QTDN		5	5
13	06222043	NGUYỄN KIM	HIẾU	TC06QTTD		1	1
14	07122050	NGUYỄN XUÂN	HÒA	DH07QT		5	5
15	06223334	NGUYỄN THỊ THU	HỒNG	TC06KEDN		6	6
16	06223658	MAI THI	HƯƠNG	TC06QTVQ		1	1
17	06223345	TRẦN TUẤN	KHANH	TC06KEDN		7	7
18	06222257	TRƯƠNG KIM	NGÂN	TC06QTDN		3	3
19	07123142	LÊ NGUYỄN ÁNH	NGỌC	DH07KEB		5	5
20	06223403	NGÔ THỊ HỒNG	NHUNG	TC06KEDN		6	6
21	07223193	LƯU THỊ QUỲNH	NHƯ	TC07KE		1	1
22	06222077	NGUYỄN THỊ THU	OANH	TC06QTTD		5	5
23	07223197	LÊ NGỌC	PHÚ	TC07KE		7	7
24	06222266	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	TC06QTDN		5	5
25	06222082	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	TC06QTTD		1	1
26	05223089	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	TC05KETD		6	6
27	07223089	LÌNH LÝ	SÁNG	TC07KETD		1	1
28	05223377	TẠ THANH	THẢO	TC05KEDA		1	1
29	06222406	NGUYỄN QUANG	THỊNH	TC06QTVQ		5	5
30	06223442	LÊ THỊ NGỌC	THỦY	TC06KEDN		5	5
31	07123425	HOÀNG THỊ HUYỀN	THƯƠNG	DH07KEGL		1	1
32	06222113	HUỲNH TRỌNG	TRAI	TC06QTTD		1	1

Số bài: 25 Số tờ: 25 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 4...tháng 5.. năm 2011

1/4DS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02759

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Toán cao cấp 1-K (902101)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	06222415	NGUYỄN NGỌC	TUÂN	TC06QTVQ		4	1	4
34	06222421	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	TC06QTVQ		5	2	5
35	06222422	BÙI HIỂN	VINH	TC06QTVQ		5	3	5
36	05120059	NGUYỄN QUANG	VINH	DH05KT		7	4	7
37	07123439	LÊ BÁ ANH	VŨ	DH07KEGL	✓	✓	5	✓
38	06223485	NGUYỄN BÁ	VŨ	TC06KEDN		5	6	5
39	06223486	TRƯƠNG THỊ HẢI	VY	TC06KEDN	✓	✓	7	✓
40	07122209	NGUYỄN THỊ BÌNH	YÊN	DH07QT		5	8	5
							9	
							10	
							11	
							12	
							13	
							14	
							15	
							16	
							17	
							18	
							19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: 26 Số tờ: 25 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

2/405

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02760 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Toán cao cấp C1 (902114)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
41	06224502	LÊ VĂN	BÌNH	TC06QL		4	1
42	05224254	NGUYỄN TRUNG	BÌNH	TC05QL		5	2
43	06224007	HUỲNH VĂN	CÀ	TC06QLQ9		5	3
44	07224021	NGUYỄN ĐỨC	HẢI	TC07QLBN		7	4
45	07224136	ĐỖ HOÀNG ĐĂNG	KHOA	TC07QLBN		5	5
46	07224140	NGUYỄN THẠCH	LAM	TC07QLBN		5	6
47	06119021	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	CD07CQ		5	7
48	05224042	TRẦN DUY	PHONG	TC05QLBN		7	8
49	07224287	TRÀ XUÂN	TẤN	TC07QL		5	9
50	07224254	PHẠM NGUYỄN	THÀNH	TC07QL		V	10
51	06224549	NGUYỄN HOÀNG ANH	THƯ	TC06QL		4	11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 50 Số tờ: 10 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 4 tháng 5 năm 2011

3/4/05

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00006 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Toán cao cấp C2 (202115)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
52	08224050	LÊ NGỌC	THẢO	TC08QL		4	1
							2
							3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 01 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 4 tháng 5 năm 2011

4/4/11

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02720 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Hóa đại cương B1 (902302)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	08213053	TRẦN VĂN	CHIẾN	TC08NH		6	1	6
2	07132056	LÊ QUANG	CÔNG	DH07SP		6	2	6
3	08213002	LÊ QUANG	CÔNG	TC08NH		6	3	6
4	06212066	HÀ TIẾN	DŨNG	TC06TYCT		6	4	6
5	07212013	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	TC07TY	V		5	5
6	08213013	TẠ TRƯƠNG TẤN	HIỆP	TC08NH		6	6	6
7	08213015	VŨ DUY	HƯNG	TC08NH		6	7	6
8	08213017	NGUYỄN XUÂN	HàO	TC08NH		6	8	6
9	07212036	HOÀNG NAM	KHOA	TC07TY	V		9	9
10	07213112	NGUYỄN HOÀNG	MẠNH	TC08NH		6	10	6
11	05212532	LÊ HOÀI	NAM	TC05TYLA		6	11	6
12	03212816	UNG NGỌC	PHƯỚC	TC03TYVL		5	12	5
13	06156082	LƯU TRẦN KIẾN	QUỐC	DH06VT		6	13	6
14	06141017	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	DH06NY	V		14	14
15	08213037	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	TC08NH		6	15	6
16	08213039	LÊ	TRỌNG	TC08NH		6	16	6
17	06217039	PHẠM THỊ THANH	XUÂN	TC06CTCT		5	17	5
							18	
							19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: 25 Số tờ: 25 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 25 tháng 4 năm 2011

1/3DS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02722 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Hoá học QLĐĐ (902307)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
30	06224509	NGUYỄN TUẤN	DŨNG	TC06QL		1	1
34	05124017	VÕ MINH	ĐẠT	DH05QL		6 2	6
32	06224021	ĐỖ THỊ SƠN	HÀ	TC06QLQ9		3	1
33	06224519	PHAN THỊ THANH	HÒA	TC06QL		6 4	6
34	03224029	LÊ HOÀNG VŨ	LÂM	TC03QL		6 5	6
35	06224573	ĐÀO THỊ TRÚC	MAI	TC06QL		6 6	6
36	07224240	NGUYỄN VĂN	NHÂN	TC07QL		7	1
37	06224530	NGUYỄN THỊ	OANH	TC06QL		5 8	5
38	05224042	TRẦN DUY	PHONG	TC05QLBN		6 9	6
39	06224077	NGUYỄN NGỌC	SÁNG	TC06QLQ9		6 10	6
						11	
						12	
						13	
						14	
						15	
						16	
						17	
						18	
						19	
						20	
						21	
						22	
						23	
						24	
						25	
						26	
						27	
						28	
						29	
						30	
						31	
						32	

Số bài: 25 Số tờ: 25 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 27 tháng 4 năm 2011

3/3/05

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02721 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Hóa đại cương B2 (902303)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
18	07132056	LÊ QUANG	CÔNG	DH07SP			1	1
19	06212066	HÀ TIẾN	DŨNG	TC06TYCT			2	2
20	05212122	BÙI VĂN	ĐƯỢC	TC05TYCT		6	3	6
21	05212630	HUỲNH VIỆT	KHOA	TC05TYTG		6	4	6
22	05212633	PHẠM THÚY	LIỄU	TC05TYTG		6	5	6
23	07114254	LÊ BÁ	NAM	DH07LNGL			6	0
24	05212532	LÊ HOÀI	NAM	TC05TYLA			7	0
25	06212354	HUỲNH YÊN	NGÂN	TC06TYVL		6	8	6
26	05212169	TRẦN TRỌNG	ƠN	TC05TYCT			9	0
27	03212816	UNG NGỌC	PHƯỚC	TC03TYVL			10	0
28	03212096	KHUẤT ĐÌNH	SƠN	TC04TY			11	0
29	05212684	PHẠM ANH	TUẤN	TC05TYTG		6	12	6
							13	
							14	
							15	
							16	
							17	
							18	
							19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: 25 Số tờ: 25 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 21 tháng 4 năm 2011

2/3DS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02721 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Hóa đại cương B2 (902303)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07132056	LÊ QUANG	CÔNG	DH07SP		6	1	
2	06212066	HÀ TIẾN	DŨNG	TC06TYCT		6	2	
3	05212122	BÙI VĂN	ĐƯỢC	TC05TYCT			3	
4	05212630	HUỲNH VIỆT	KHOA	TC05TYTG			4	
5	05212633	PHẠM THÚY	LIỄU	TC05TYTG			5	
6	07114254	LÊ BÁ	NAM	DH07LNGL			6	
7	05212532	LÊ HOÀI	NAM	TC05TYLA		5	7	
8	06212354	HUỲNH YÊN	NGÂN	TC06TYVL			8	
9	05212169	TRẦN TRỌNG	ƠN	TC05TYCT			9	
10	03212816	UNG NGỌC	PHƯỚC	TC03TYVL			10	
11	03212096	KHUẤT ĐÌNH	SƠN	TC04TY			11	
12	05212684	PHẠM ANH	TUẤN	TC05TYTG			12	
							13	
							14	
							15	
							16	
							17	
							18	
							19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: 13 Số tờ: 13 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 27 tháng 4 năm 20

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

7/5/2011

Mã nhận dạng 00056 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Hóa phân tích (902306)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07145009	ĐOÀN THIỆN	CẢNH	DH07BVA		5	1	5
2	05212018	NGUYỄN THANH	HIỀN	TC05TYVL		5	2	5
3	03212545	BÙI HỮU	NGHỊ	TC03TYCT	✓		3	V
4	07113176	ĐẶNG HUỲNH MINH	SƠN	DH07NHA	✓		4	V
5	03212096	KHUẤT ĐÌNH	SƠN	TC04TY	✓		5	V
6	05212669	NGUYỄN VĂN	THIỆN	TC05TYTG		5	6	5
7	04212255	TRẦN VĂN	TIẾN	TC04TYBP		6	7	6
8	05212560	TRẦN KHÁNH	TÚ	TC05TYLA		6	8	6
							9	
							10	
							11	
							12	
							13	
							14	
							15	
							16	
							17	
							18	
							19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: 5 Số tờ: 5 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 7 tháng 5 năm 2011

Lê Thị Minh Trúc

Nguyễn Văn Đồng

1/2 DS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00670 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Hoá phân tích (902317)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06212254	PHẠM NGỌC	CHƯƠNG	TC06TY		5	1
2	06146070	NGUYỄN XUÂN	ĐỊNH	DH06NK			2
3	06141004	TRƯƠNG PHƯỚC	HẢI	DH07NY		6	3
4	07116080	NGUYỄN LÊ THANH	HƯƠNG	DH07NT		5	4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 3 Số tờ: 3 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 7 tháng 5 năm 2011

Lê Thị Thanh Thúy Nguyễn Văn Đông

2/205

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02773

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Vật lý đại cương B2 (902206)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	05212128	NGUYỄN HỒNG	HÀO	TC05TYCT		7	7
2	05212018	NGUYỄN THANH	HIỀN	TC05TYVL		6	6
3	05212036	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	TC05TYVL		6	6
4	03212704	LÊ THỊ BÍCH	NHIÊN	TC03TYST		6	6
~~5~~	~~07111270~~	~~ĐỖ NGUYỄN THÀNH~~	~~TRUNG~~	DH07CN			
6	07114300	LA QUANG HOÀI	VŨ	DH07LNGL		vắng	vắng

Số bài: 4 Số tờ: 4 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 11 tháng 5 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00050

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Vật lý đại cương A2 (902204)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm
1	07130125	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	DH07DTH		

Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên

1	0
2	V
3	V
4	V
5	V
6	V
7	V
8	V
9	V
10	V
11	V
12	V
13	V
14	V
15	V
16	V
17	V
18	V
19	V
20	V
21	V
22	V
23	V
24	V
25	V
26	V
27	V
28	V
29	V
30	V
31	V
32	V

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00172 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Hình học họa hình (907110)

	STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	
	1	07137001	NGUYỄN TRUNG	DŨNG	DH07NL		5	1
V	~~2~~	~~07158102~~	~~PHẠM THỊ~~	~~HƯƠNG~~	~~DH07SK~~			2
	3	07138014	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	DH07TD		7	3

Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên

	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	6
2	0
3	8
4	
5	
6	
7	
8	
9	
10	
11	
12	
13	
14	
15	
16	
17	
18	
19	
20	
21	
22	
23	
24	
25	
26	
27	
28	
29	
30	
31	
32	

Số bài: 02 Số tờ: 02 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 12 tháng 5 năm 2011

Đỗ Hữu Toàn

Trần Thị Thanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00178 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Hình họa (907128)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm
1	07154083	NGUYỄN QUỐC	THẠNH	DH07OT		5

Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên

	Điểm
1	5
2	
3	
4	
5	
6	
7	
8	
9	
10	
11	
12	
13	
14	
15	
16	
17	
18	
19	
20	
21	
22	
23	
24	
25	
26	
27	
28	
29	
30	
31	
32	

Số bài: 01 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 12 tháng 5 năm 2011

Đỗ Hữu Tâm

Trần Thị Thanh

2/2 DS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00045 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Toán cao cấp A2-CĐ (902119)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
~~1~~	~~07329113~~	~~TRẦN QUỐC~~	~~SƠN~~	~~CD07TH~~			1
2	07329163	NGÔ ĐÌNH	TRƯỜNG	CD07TH		6	2
							3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 25 tháng 04 năm 2011

Tô Thị Như Trâm

Bạch Liên Phảo

Hà Ngọc Kỳ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02717 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Toán cao cấp A2 (902109)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06130119	QUÁCH ĐÌNH	DUY	DH07DTH		5	1
2	05230080	TRẦN QUỐC	TRUNG	TC05DTDN		2 (1/2)	2
							3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 2 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 25 tháng 04 năm 2011

Bạch Liên Phảo

Hà Ngọc Kỳ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00025 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Phân tích kinh doanh (208452)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07123199	NGUYỄN HỮU	TÂM	DH07KEA	Tâm	5	1
							2
							3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 01 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

Lâm Thị Kim Cúc Vi/Ca

Trương Thị Mỹ Uân Ha C

Phan Thị Nhiên

1/2DS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02777

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Phân tích kinh doanh (908452)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	05223485	NGUYỄN THỊ HỒNG LỰU	TC05KE		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 01 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

2/2015

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02797

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Anh văn 1-K (913609)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	06212323	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	TC06TYVL		3	1	3
34	02212085	VÕ HOÀNG	SƠN	TC02TYVL		4	2	4
35	06224078	CAO TẤN	TÀI	TC06QLQ9		5	3	5
36	06212362	PHẠM HỮU	TÀI	TC06TYVL		4	4	4
37	06222093	VŨ BÁ	TÂM	TC06QTTD			5	0
38	06224083	HÀ TRUNG	THÀNH	TC06QLQ9		4	6	4
39	05222211	BÙI THỊ PHƯƠNG	THẢO	TC05QTVL		4	7	4
40	06212327	NGUYỄN VĂN	THẮNG	TC06TYVL		3	8	3
41	07141085	LƯƠNG VĂN	THẬN	DH07NY		3	9	3
42	06222405	TRƯƠNG QUANG	THIỆN	TC06QTVQ		3	10	3
43	06222406	NGUYỄN QUANG	THỊNH	TC06QTVQ		4	11	4
44	04224078	ĐINH VĂN	THUẬN	TC04QL		4	12	4
45	07336291	CAO CHÍ	TÍNH	CD07CS		4	13	4
46	04223276	NGUYỄN THỊ KIM	TRANG	TC05PTTP		7	14	7
47	07223120	PHAN THỊ KIM	TRÀNG	TC07KETD		3	15	3
48	05212562	NGUYỄN THỊ MỘNG	TUYỀN	TC05TYLA			16	0
49	06224557	TRẦN QUANG	TƯỜNG	TC06QL			17	0
							18	
							19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 9 tháng 5 năm 2011

Tạ Mỹ Nga

2/505

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02797 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Anh văn 1-K (913609)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07141022	PHẠM NGỌC	ẨN	DH07NY		5	1	
2	06224005	LƯƠNG VĂN	BẢY	TC06QLQ9		4	2	
3	05213074	NGUYỄN VĂN	CAN	TC05NH		2	3	
4	06212305	NGÔ VĂN QUỐC	CÔNG	TC06TYVL		3	4	
5	07329011	TRẦN DUY	CÔNG	CD07TH		4	5	
6	04212206	PHAN VĂN	DŨNG	TC04TYBP		2	6	
7	07131027	NGUYỄN HỮU	DUY	DH07CH		4	7	
8	05224262	LÊ NGUYỄN THANH	DƯƠNG	TC05QL		6	8	
9	08212011	LÊ HIỆP	ĐOÀN	TC08TY		4	9	
10	05212012	VÕ VĂN TRÀNG	EM	TC05TYVL		4	10	
11	07112060	VŨ NGỌC	HÀ	DH07TY		6	11	
12	06224032	PHẠM HUỲNH	HOA	TC06QLQ9		4	12	
13	05212022	DƯƠNG VĂN	HÒA	TC05TYVL		2	13	
14	05212023	TỪ MINH	HÒA	TC05TYVL		3	14	
15	05222174	VĂN THANH	HÙNG	TC05QTVL		4	15	
16	06212070	PHAN NGỌC	HUY	TC06TYCT		2	16	
17	04212637	PHAN KIM	KHẢI	TC04TYVL			17	
18	06222240	BẠCH VĂN	LÀNH	TC06QTDN		3	18	
19	06212084	NGUYỄN TẤN	LỘC	TC06TYCT		2	19	
20	06212315	VÕ QUỐC	LUẬN	TC06TYVL		3	20	
21	06212088	ĐẶNG THANH	LY	TC06TYCT		3	21	
22	07223056	NGUYỄN DUY	LÝ	TC07KETD			22	
23	07122091	HUỲNH THANH	MẪN	DH07QT		7	23	
24	07120024	NGUYỄN THẾ	MIỆN	DH07KT		6	24	
25	07138038	ĐINH VĂN	MINH	DH07TD		4	25	
26	07223073	NGUYỄN THỊ THANH	NHÀN	TC07KETD		3	26	
27	05212042	PHAN HOÀI	NHÂN	TC05TYVL		7	27	
28	05212590	TRẦN THỊ	NHUNG	TC05TY		3	28	
29	07111147	KHANGTHAVONG KHAM	PEUR	DH07CN		3	29	
30	07223197	LÊ NGỌC	PHÚ	TC07KE		3	30	
31	05224046	CAO THẾ	PHƯƠNG	TC05QLBN			31	
32	05212049	NGUYỄN BÌNH	PHƯƠNG	TC05TYVL		3	32	

Số bài: 43 Số tờ: 43 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 31 tháng 05 năm 2011

1/5 DS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00027 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Anh văn 1** (213601)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên
50	08224005	HUỲNH MINH	CẢNH	TC08QL	
51	08224033	ĐOÀN XUÂN	LUẬT	TC08QL	
52	08212033	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	TC08TY	
53	08212055	MAI THỊ MỸ	TIÊN	TC08TY	

Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
H	1	5
3	2	4
H	3	5
H	4	5
	5	
	6	
	7	
	8	
	9	
	10	
	11	
	12	
	13	
	14	
	15	
	16	
	17	
	18	
	19	
	20	
	21	
	22	
	23	
	24	
	25	
	26	
	27	
	28	
	29	
	30	
	31	
	32	

Số bài: 04 Số tờ: 04 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 29 tháng 06 năm 11

2/SDS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02768 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Anh văn 2K (913610)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07223159	PHƯƠNG	DUNG	TC07KE			1	0
2	06213008	PHẠM THANH	DŨNG	TC06NHCC		7	2	7
3	07224211	TRẦN LÊ	DUY	TC07QL		5	3	5
4	07224217	NGUYỄN MINH	HẢI	TC07QL		8	4	2
5	06223309	TRẦN THỊ BÍCH	HẠNH	TC06KEDN		5	5	5
6	07130033	TRƯƠNG PHÚC	HẬU	DH07DTM		5	6	5
7	06223321	BÙI THU	HIỀN	TC06KEDN		6	7	6
8	06224177	DƯƠNG NGỌC	HIẾU	TC06QLBT		5	8	5
9	06223337	TRẦN XUÂN	HUỆ	TC06KEDN		5	9	5
10	05139093	PHÚC VĂN	HUY	DH05HH		8	10	8
11	07224228	PHẠM HỒNG	KHANH	TC07QL		2	11	2
12	06146030	THẠCH THỊ PHOL	LY	DH06CT		5	12	5
13	06212090	VÕ THỊ HUỲNH	MAI	TC06TYCT		3	13	3
14	07224235	NGUYỄN TUẤN	MINH	TC07QL		5	14	5
15	07224265	ĐẶNG HẢI	NAM	TC07QL		7	15	7
16	06113066	LÊ VĂN	NGHĨA	DH06NH		4	16	4
17	06224207	ĐỒNG HỮU	NGUYÊN	TC06QLBT		7	17	7
18	06336070	NGUYỄN THỊ THANH	NHÀNG	CD06CS		6	18	6
19	06223089	LÊ TÚ	NHI	TC06KETD		6	19	6
20	06223094	VÕ THỊ	NINH	TC06KETD		4	20	4
21	07111147	KHANGTHAVONG KHAM	PEUR	DH07CN		9	21	9
22	07224268	TRƯƠNG THANH	PHONG	TC07QL		9	22	9
23	05223086	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG	TC05KETD		4	23	4
24	06224213	NGUYỄN KIẾN	QUỐC	TC06QLBT		7	24	7
25	07131157	NGUYỄN THANH	SANG	DH07TK		5	25	5
26	05212336	MAI VĂN	THÁI	TC05TYBD		8	26	8
27	07141085	LƯƠNG VĂN	THẬN	DH07NY		5	27	5
28	07336288	TRẦN THỊ	TÌNH	CD07CS		4	28	4
29	07212070	TẠ QUỐC	TOÀN	TC07TY		8	29	8
30	06222114	LÊ THANH	TRÃI	TC06QTTD		7	30	7
31	06141017	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	DH06NY	✓		31	0
32	07329156	HỨA THANH	TRONG	CD07TH		2	32	2

Số bài: 35 Số tờ: 35 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm.....

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02768 Trang 2/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Anh văn 2K (913610)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	04212882	TRẦN QUỐC	TRUNG	TC04TYNT		5	1	8
34	05212479	ĐOÀN CÔNG	TUẤN	TC05TY		7	2	7
Kc nghỉ 35	06224557	TRẦN QUANG	TƯỜNG	TC06QL			3	
36	06224241	LÊ TRUNG	VU	TC06QLBT		6	4	6
37	06213068	NGUYỄN MINH	VŨ	TC06NHCC		5	5	5
							6	
							7	
							8	
							9	
							10	
							11	
							12	
							13	
							14	
							15	
							16	
							17	
							18	
							19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: 34 Số tờ: 34 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02757 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Anh văn 2 (913602)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
43	02212034	HỒ NGỌC	HÂN	TC02TYVL	✓	1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						11	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						12	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						13	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						14	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						15	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						16	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						17	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						18	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						19	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						20	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						21	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						22	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						23	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						24	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						25	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						26	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						27	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						28	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn *Cán bộ chấm thi 1&2* Ngày .....tháng ..... năm..

1/5

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02739

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Ngoại ngữ chuyên ngành E (908349)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm
1	05223225	NGUYỄN THỊ LAN	PHƯƠNG	TC05KEDA		
2	06223414	HOÀNG THỊ BẢO	QUYÊN	TC06KEDN	Quyên	8
3	05223233	TRẦN NHƯ	QUỲNH	TC05KEDA		
4	06223582	PHẠM THỊ	YẾN	TC06KE		

Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên

	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 10
3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02748

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kinh tế vi mô 1 (908109)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06222015	NGUYỄN VĂN	CHÁNH	TC06QTTD		1	
2	05224327	TRẦN	CƯƠNG	TC05QL		2	
3	06222208	TRƯƠNG VĂN	ĐOÀN	TC06QTDN		3	
4	07224217	NGUYỄN MINH	HÀI	TC07QL		4	
5	06222055	NGÔ MINH	KHẢI	TC06QTTD		5	
6	03224029	LÊ HOÀNG VŨ	LÂM	TC03QL		6	
7	07143070	HUỲNH	LÂN	DH07KM		7	
8	06222064	HUỲNH VĂN	LÂN	TC06QTTD		8	
9	07223052	TRƯƠNG THANH	LOAN	TC07KETD		9	
10	03224033	LÊ PHƯỚC	LỢI	TC03QL		10	
11	04224042	NGUYỄN HOÀI	NAM	TC04QL		11	
12	06224052	ĐẶNG THỊ	NGA	TC06QLQ9		12	
13	06223554	NGUYỄN VĂN	NHỨT	TC06KE		13	
14	06223094	VÕ THỊ	NINH	TC06KETD		14	
15	07223076	ĐỖ THỊ HOÀNG	OANH	TC07KETD		15	
16	06224065	LÊ DUY	PHƯƠNG	TC06QLQ9		16	
17	07223084	ĐẶNG THỊ LINH	PHƯỢNG	TC07KETD		17	
18	07223093	LÊ THỊ TUYẾT	SƯƠNG	TC07KETD		18	
19	03224059	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THANH	TC03QL		19	
20	06222095	BÙI NGỌC	THÀNH	TC06QTTD		8	20
21	05223377	TẠ THANH	THẢO	TC05KEDA			21
22	06124115	NGUYỄN MẠNH	THẾ	DH07QL			22
23	06222101	NGUYỄN XUÂN	THIẾT	TC06QTTD			23
24	06222110	LÊ DUY	TOÀN	TC06QTTD			24
25	06223570	LÊ ĐÌNH	TRUNG	TC06KE			25
26	05120059	NGUYỄN QUANG	VINH	DH05KT			26
27	07223139	VÕ THỊ HẢI	YẾN	TC07KETD			27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02736 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Sinh hóa đại cương (906123)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06217010	ĐINH THỊ THÚY	HẰNG	TC06CTCT		1	1
						2	2
						3	3
						4	4
						5	5
						6	6
						7	7
						8	8
						9	9
						10	10
						11	11
						12	12
						13	13
						14	14
						15	15
						16	16
						17	17
						18	18
						19	19
						20	20
						21	21
						22	22
						23	23
						24	24
						25	25
						26	26
						27	27
						28	28
						29	29
						30	30
						31	31
						32	32

Số bài: 14 Số tờ: 14 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 6 tháng 4 năm 2011

Ng Ngọc Mỹ Tiên

TS. ĐỖ HIẾU LIÊM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02729 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Chủ nghĩa xã hội khoa học (900101)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06228007	ĐINH GIANG	CHÂU	TC06AVDB		1	1
2	05120031	LÊ ANH	DUY	DH05KT		2	2
3	06223303	NGUYỄN THỊ	HÀ	TC06KEDN		3	3
4	07122035	NGUYỄN THỊ LỆ	HÀ	DH07QT		4	4
5	07224021	NGUYỄN ĐỨC	HẢI	TC07QLBN		5	5
6	07224024	NGUYỄN VĂN	HẢI	TC07QLBN		6	6
7	07223032	NGUYỄN THỊ QUỲNH	HOA	TC07KETD		7	7
8	07223037	LÊ THỊ TỐ	HỒNG	TC07KETD		8	8
9	07116076	TRẦN THỊ THAO	HUYỀN	DH07NT		9	9
10	06223044	NGUYỄN PHI	HUYNH	TC06KETD		10	10
11	04212037	PHAN PHÚ	HUYNH	TC04TYTG		11	11
12	03224029	LÊ HOÀNG VŨ	LÂM	TC03QL		12	12
13	07223045	VŨ THỊ	LÂN	TC07KETD		13	13
14	06228052	TRẦN THỊ KIM	LOAN	TC06AVDA		14	14
15	06228053	BỒ KIM	LỘC	TC06AVDB		15	15
16	07224045	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	TC07QLBN		16	16
17	07224048	LÊ VĂN	LUYẾN	TC07QLBN		17	17
18	05224386	PHẠM VĂN	LƯỢNG	TC05QLBX		18	18
19	07223062	NGUYỄN THANH PHƯƠN	NGÂN	TC07KETD		19	19
20	07123142	LÊ NGUYỄN ÁNH	NGỌC	DH07KEB		20	20
21	07113341	TRẦN SỸ	NGUYÊN	DH07NHGL		21	21
22	07224053	VĂN SĨ	NHÂN	TC07QLBN		22	22
23	05228128	MAI MINH	PHƯƠNG	TC05AVA		23	23
24	06217024	NGÔ TRIỀU	PHƯƠNG	TC06CTCT		24	24
25	07223084	ĐẶNG THỊ LINH	PHƯỢNG	TC07KETD		25	25
26	07223089	LÌNH LÝ	SÁNG	TC07KETD		26	26
27	06223122	NGUYỄN VĂN	TÂM	TC06KETD		27	27
28	06224083	HÀ TRUNG	THÀNH	TC06QLQ9		28	28
29	07223100	TRẦN THỊ THU	THẢO	TC07KETD		29	29
30	06211028	NGUYỄN LÊ CHIÊU	THẮNG	TC06CNBR		30	30
31	07141085	LƯƠNG VĂN	THẬN	DH07NY		31	31
32	07224070	TRẦN TRƯỜNG	THỊNH	TC07QLBN		32	32

Số bài: 32 Số tờ: 34 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 2...tháng ...5 năm.. 11

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02729

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Chủ nghĩa xã hội khoa học (900101)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	06211030	PHẠM THỊ BẢO	THOA	TC06CNBR		7	1	7
34	06211031	NGUYỄN THỊ KIỀU	THU	TC06CNBR			2	0
35	05228098	BÙI THỊ THANH	THÙY	TC05AVB		7	3	7
36	05228102	KIM SƠN RASMEY	THYĐA	TC05AVB		7	4	7
37	05138019	PHẠM VIẾT	TIẾN	DH07TD		7	5	7
38	03134057	BÙI PHẠM TRỌNG	TÍN	DH03GB		6	6	6
39	07223120	PHAN THỊ KIM	TRÀNG	TC07KETD		6	7	6
40	06228089	NGUYỄN THỤY BẢO	TRÂM	TC06AVDB		6	8	6
41	06228091	ĐẶNG THỊ TUYẾT	TRINH	TC06AVDB		7	9	7
42	04224604	VÕ ĐỨC	TRỌNG	TC04QLNT		6	10	6
43	03213163	NGUYỄN MINH	TRUNG	TC03NHBD		6	11	6
44	06211044	VÕ PHƯỚC	VINH	TC06CNBR			12	0
45	07114300	LA QUANG HOÀI	VŨ	DH07LNGL			13	0
46	06222336	TRẦN THỊ HẢI	YẾN	TC06QTDN		6	14	6
							15	
							16	
							17	
							18	
							19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: 37 Số tờ: 3 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 2 tháng 5 năm 11

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02730 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kinh tế chính trị (900102)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
47	03214023	VIÊN NGỌC TUẤN	ANH	TC03LN		1	
48	06141002	TRẦN LƯƠNG HÙNG	CƯỜNG	DH07NY		2	
49	06113033	TRẦN MẠNH	HÙNG	DH06NH		3	
50	04228036	VŨ VĂN	HƯNG	TC04AVB		4	
51	05228046	NGUYỄN THỊ	LIÊN	TC05AVB		5	
52	06228141	NGUYỄN THỊ	LƯƠNG	TC06AV		6	
53	05228052	PHAN THỊ NGỌC	MAI	TC05AVA		7	
54	05228058	NGUYỄN HỒNG	MỸ	TC05AVA		8	
55	07113341	TRẦN SỸ	NGUYÊN	DH07NHGL		9	
56	07128059	PHAN TẤN	PHÁT	DH07AVQ		10	
57	06228159	ĐẶNG HẢI	QUÂN	TC06AV		11	
58	07113345	ĐỖ KIM	QUỐC	DH07NHGL		12	
59	05228086	PHAN THỊ NGỌC	QUÝ	TC05AVA		13	
60	07113346	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	DH07NHGL		14	
61	06228162	NGUYỄN ĐÌNH	SỰ	TC06AV		15	
62	07213080	PHẠM HỒNG	THÁI	TC07NH		16	
63	05212544	NGUYỄN ĐĂNG	THI	TC05TYLA		17	
64	05228096	PHẠM VĂN	THIỆT	TC05AVB		18	
65	07113353	ĐỖ QUỐC	THỊNH	DH07NHGL		19	
66	05228098	BÙI THỊ THANH	THÙY	TC05AVB		20	
67	05228102	KIM SƠN RASMEY	THYĐA	TC05AVB		21	
68	05228107	NGUYỄN THỊ QUẾ	TRÂN	TC05AVB		22	
69	07113363	VŨ QUANG	TUẤN	DH07NHGL		23	
70	07213108	VŨ THỊ	TUYẾT	TC07NH		24	
						25	
						26	
						27	
						28	
						29	
						30	
						31	
						32	

Số bài: 70 Số tờ: 12 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 2 tháng 5 năm 11

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03079 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kinh tế chính trị 1 (900111)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
71	05224254	NGUYỄN TRUNG	BÌNH	TC05QL		7	1	7
74	06223195	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	TC06KETL		7	2	7
72	03224014	HUỲNH THỊ NGỌC	HƯƠNG	TC04QL		6	3	6
73	06223393	NGUYỄN LÊ THỊ	NGA	TC06KEDN			4	
75	07135120	NGUYỄN HOÀNG THẢO	NGUYÊN	DH07TB			5	
76	07223089	LÌNH LÝ	SÁNG	TC07KETD			6	
77	06223465	TRẦN THỊ THANH	TRÂM	TC06KEDN		7	7	7
78	06224115	HỒ MINH	VƯƠNG	TC06QLQ9		7	8	7
79	06223489	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	TC06KEDN		7	9	7
							10	
							11	
							12	
							13	
							14	
							15	
							16	
							17	
							18	
							19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: 9 Số tờ: 9 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 2 tháng 4 năm 11

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02733 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kinh tế chính trị 2 (900112)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07123352	LÊ LÊ PHAN	ANH	DH07KEGL		1	1
2	04224004	HUỲNH QUỐC SỬ	BÌNH	TC04QL		2	2
3	07123358	NGUYỄN ĐÌNH	BÌNH	DH07KEGL		3	3
4	06223005	NGUYỄN THỊ NGỌC	CẨM	TC06KETD		4	4
5	05224371	HUỲNH PHI	HẢI	TC05QLBX		5	5
6	05224375	HUỲNH THẾ	HOÀNG	TC05QLBX		6	6
7	05224280	LÊ THANH	HƯNG	TC05QL		7	7
8	05224397	ĐẶNG THÁI	SƠN	TC05QLBX		8	8
9	05224403	PHẠM ĐÌNH	THẠNH	TC05QLBX		9	9
10	05224406	VŨ ĐÌNH	THÂN	TC05QLBX		10	10
11	06223489	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	TC06KEDN		11	11
						12	12
						13	13
						14	14
						15	15
						16	16
						17	17
						18	18
						19	19
						20	20
						21	21
						22	22
						23	23
						24	24
						25	25
						26	26
						27	27
						28	28
						29	29
						30	30
						31	31
						32	32

Số bài: 8 Số tờ: 8 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 2 tháng 6 năm 11

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02728 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Các ng.lý CB của CN MácLênin (200106)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm
90	08224005	HUỲNH MINH	CẢNH	TC08QL		1
91	08224074	NGUYỄN	LĨNH	TC08QL		2
92	08224070	TRẦN VĂN	TẠO	TC08QL		3
93	08146197	NGUYỄN HỒ NHẬT	THUẬN	DH08TP	V	4
94	08224062	NGÔ HOÀNG TỐ	UYÊN	TC08QL		5

Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên

1	V	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10
2	V	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10
3	V	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10
4	●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
5	V	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10
6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
12	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
13	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
14	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
15	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
16	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
17	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
20	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
21	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
23	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
31	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Số bài: 4 Số tờ: 4 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 2 tháng 6 năm 09

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02731 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Triết học Mác-Lênin (900106)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm
91	05224421	TRẦN NGỌC	NGHĨA	TC05QLBX		7
92	05228083	TRƯƠNG THỊ THANH	PHƯƠNG	TC05AVTP		
93	06212108	NGUYỄN PHƯỚC	THÀNH	TC06TYCT		
94	06212114	HUỲNH TÚ	TRINH	TC06TYCT		6
95	06211044	VÕ PHƯỚC	VINH	TC06CNBR		
96	06212120	NGUYỄN THỊ THU	XUÂN	TC06TYCT		6

	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10
2	0
3	0
4	7
5	0
6	7
7	
8	
9	
10	
11	
12	
13	
14	
15	
16	
17	
18	
19	
20	
21	
22	
23	
24	
25	
26	
27	
28	
29	
30	
31	
32	

Số bài: 3 Số tờ: 3 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 2 tháng 5 năm 11

7/2/15

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03029 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Toán rời rạc 1 (914358)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06230149	PHẠM TRUNG	HIẾU	TC06DT		00.0	1
2	06230111	HOÀNG ĐÌNH	HỘI	TC06DT		2.1	2
3	06230118	NGUYỄN NGỌC	MINH	TC06DT		1.4	3
4	~~05230051~~	ĐẶNG VĂN	PHONG	TC05DTDN			4
5	07130100	NGUYỄN MINH	QUÂN	DH07DTH			5
6	05230075	NGUYỄN ĐỨC	THỤY	TC05DTDN			6
7	04230294	MAI HOÀNG	TỚI	TC04DTCM			7
8	05230093	ĐẶNG VĂN	VINH	TC05DTDN			8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 2 Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 20 tháng 7 năm 2011

Th.S. Hồ Đắc Nghĩa

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02716 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Bài tập Toán A (902103)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07118002	TRẦN VĂN	GIANG	DH07CK		5.3	1
2	05118068	TRẦN THIÊN	THỨC	DH07CK		1.	2
~~3~~	~~06115065~~	~~CHÂU NGỌC~~	~~VƯƠNG~~	~~DH06CB~~			3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

25/4/2011

Số bài: 2 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

Th.S. Hồ Đắc Nghĩa

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02727 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Luật thương mại (908423)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06222028	TRẦN HY	DŨNG	TC06QTTD			1	0
2	06222043	NGUYỄN KIM	HIẾU	TC06QTTD		6	2	6
3	03222143	NGÔ THỊ THÚY	LAN	TC03QTTD		7	3	7
4	05222064	HỒ THỊ THANH	MAI	TC06QTTD		8	4	8
5	06222095	BÙI NGỌC	THÀNH	TC06QTTD		7	5	7
6	06222110	LÊ DUY	TOÀN	TC06QTTD		6	6	6
7	06222113	HUỲNH TRỌNG	TRAI	TC06QTTD			7	0
8	06222116	KHƯU KIM	TRẠNG	TC06QTTD		6	8	6
9	06222121	LÊ THANH ANH	TÚ	TC06QTTD		7	9	7
							10	
							11	
							12	
							13	
							14	
							15	
							16	
							17	
							18	
							19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: 9 (Bảy) Số tờ: 09 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 29 tháng 4 năm 2011

Thái Anh Hòa

Ng Bích Dũng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00183

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Cơ lưu chất (907149)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07137008	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	DH07NL		Vắng	1
							2
							3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00284 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Nông học đại cương Q (909706)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	04224015	VŨ QUANG	DŨNG	TC04QL		1	
2	06224519	PHAN THỊ THANH	HÒA	TC06QL		2	
3	05224283	VŨ TRUNG	KIÊN	TC05QL		3	
4	04224062	PHẠM MINH	TÂM	TC04QL		4	
5	04224178	PHAN THIỆN	VỸ	TC04QL		5	
						6	
						7	
						8	
						9	
						10	
						11	
						12	
						13	
						14	
						15	
						16	
						17	
						18	
						19	
						20	
						21	
						22	
						23	
						24	
						25	
						26	
						27	
						28	
						29	
						30	
						31	
						32	

Số bài: 05 Số tờ: 05 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

67

Mã nhận dạng 00130 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Nông học đại cương A (904306)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	08213053	TRẦN VĂN	CHIẾN	TC08NH		6	1	V 0 1 2 3 4 5 **6** 7 8 9 10
							2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
							32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02775 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Cơ sở dữ liệu (909307)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06224549	NGUYỄN HOÀNG ANH	THƯ	TC06QL		5	1
							2
							3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 01 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00292 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kỹ thuật điện ĐC (910323)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06156082	LƯU TRẦN KIẾN	QUỐC	DH06VT	Luu	7	1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) ● (8) (9) (10)
2	~~07148116~~	~~LÊ THÀNH~~	QUÝ	DH07DD			2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							12	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							14	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
							32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 01 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

Lê Phan Thị Thụy Thùy — Phan thị Ánh Ngọc Nguyễn Đình Nam

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00140 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Nhân nuôi côn trùng có ích (904724)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07145038	TRẦN TRƯỜNG	HUY	DH07BVA	[signature]	6	1
2	07145076	NGUYỄN VỊ	QUỐC	DH07BVB	[signature]	5	2
							3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 2 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 23 tháng 5 năm 11

[signature] Nguyễn Phan Thanh TS Ng. Quang Tấn Quyền

[signature] Ng. T.N. Hân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00072 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Quản trị học B (902614)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	05223301	ĐINH NGUYỄN THANH	GIANG	TC05KEDA		6	1
2	05224293	TRẦN CAO VIỆT	NAM	TC05KEDA		7	2
3	05131080	DƯƠNG PHÚ	THỌ	DH06CH		6	3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 3 Số tờ: 3 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

2/2 DS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00074 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Quản trị học A (902618)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06223301	TRỊNH CÔNG	HÀ	TC06KEDN	V		1
2	07222065	NGUYỄN ĐÌNH	LOAN	TC07QTTD	[signature]	6	2
3	05222338	NGUYỄN PHẠM	THƯƠNG	TC05QTDN	[signature]	5	3
4	06222415	NGUYỄN NGỌC	TUÂN	TC06QTVQ	V		4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 2 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

1/2 DS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00026 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Đại cương về QTKD CNTP (210603)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07125214	NGUYỄN QUANG	THÀNH	DH07BQ		5	1
							2
							3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 25 tháng 5 năm 11

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00150 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Sức bền vật liệu (905601)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06138042	PHẠM VĂN	SƠN	DH07TD	Sơn	1	1
							2
							3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 2 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

Ng T Ngọc Hà — Đặng Hữu Dũng — Đỗ Hữu Toàn

1/3DS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00182 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Sức bền vật liệu I M (907136)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07118002	TRẦN VĂN	GIANG	DH07CK		2	1
2	05118068	~~TRẦN THIÊN~~	~~THỨC~~	DH07CK			2
							3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 2 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

Ng. T. Ngọc Hà

Đặng Hữu Dũng

Đỗ Hiếu Toàn

2/305

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00151 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Cơ học lý thuyết (905602)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06119007	NGUYỄN HOÀI	AN	DH07CC		1	1
2	05115013	HÀ VĂN	CÔNG	DH07CB			2
3	07115017	TRẦN NHẬT	TRUNG	DH07CB			3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 4 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

1/2 DS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00184 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Cơ lý thuyết (907156)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07153062	PHẠM QUANG	LĨNH	DH07CD		8	1
2	06153030	VÕ MINH	TRUNG	DH07CD		1	2
							3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 2 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

Phạm Thanh Hải Đặng Thái Dũng Đỗ Hữu Toàn

2205

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00506 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : PPTN chăn nuôi (903207)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm
20	06211047	NGUYỄN HỮU	CẢNH	TC06CNBR		5
21	06211049	NGUYỄN TRÍ	KỲ	TC06CNBR		5
22	06211057	NGUYỄN ĐỨC	TRÍ	TC06CNBR		5

Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên

	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	V 0 1 2 3 4 **5** 6 7 8 9 10
2	V 0 1 2 3 4 **5** 6 7 8 9 10
3	V 0 1 2 3 4 **5** 6 7 8 9 10
4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 3 Số tờ: 3 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 5 tháng 5 năm 2011

7/205

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03183

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Di truyền chuyên biệt (903202)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06111022	TRẦN ĐÌNH	THƯỜNG	DH07CN		5,1	5
2	06111060	MAI VIẾT	HOÀNG	DH07CN		5,2	5
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
11							
12							
13							
14							
15							
16							
17							
18							
19							
20							
21							
22							
23							
24							
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							

Số bài : 2 bài

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02765 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Xã hội học (902621)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06123006	VŨ HOÀNG	ANH	DH07KEB		1	1
2	07145009	ĐOÀN THIỆN	CẢNH	DH07BVA		2	2
3	04212203	TRƯƠNG LẬP	CÔNG	TC04TYBP	✓	3	3
4	06224018	LÊ MINH	ĐỨC	TC06QLQ9	✓	4	4
5	06223302	HOÀNG HỒNG	HÀ	TC06KEDN	✓	5	5
6	06223303	NGUYỄN THỊ	HÀ	TC06KEDN		6	6
7	06223027	ÔNG THỊ	HẠNH	TC06KETD	✓	7	7
8	06224519	PHAN THỊ THANH	HÒA	TC06QL		8	8
9	07145038	TRẦN TRƯỜNG	HUY	DH07BVA		9	9
10	06224040	NGUYỄN DUY	KHÁNH	TC06QLQ9		10	10
11	06224185	DIỆP AN	LẠC	TC06QLBT		11	11
12	06224530	NGUYỄN THỊ	OANH	TC06QL	✓	12	12
13	05224041	LÊ THANH	PHONG	TC05QLBN		13	13
14	05224042	TRẦN DUY	PHONG	TC05QLBN		14	14
15	05224514	NGUYỄN SĨ	QUÍ	TC05QL		15	15
16	05224397	ĐẶNG THÁI	SƠN	TC05QLBX		16	16
17	06223122	NGUYỄN VĂN	TÂM	TC06KETD	✓	17	17
18	06224083	HÀ TRUNG	THÀNH	TC06QLQ9		18	18
19	06224084	TRỊNH MINH	THÀNH	TC06QLQ9		19	19
20	05223377	TẠ THANH	THẢO	TC05KEDA		20	20
21	06224231	VÕ HIỆP	THƯƠNG	TC06QLBT		21	21
22	04212255	TRẦN VĂN	TIẾN	TC04TYBP		22	22
23	06224104	LÊ NGỌC	TUẤN	TC06QLQ9	✓	23	23
24	06211045	NGUYỄN HOÀI	VŨ	TC06CNBR		24	24
25	06224115	HỒ MINH	VƯƠNG	TC06QLQ9		25	25
						26	26
						27	27
						28	28
						29	29
						30	30
						31	31
						32	32

Số bài: 25 Số tờ: 10 / Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 6 tháng 5 năm 2011

H2DS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

6/5

Mã nhận dạng 02764 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Xã hội học đại cương (202621)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
26 1	08222221	NGUYỄN QUANG	DUY	TC08QTDN	✓	1	●
27 2	09221043	PHẠM THANH	NHÀN	TC09PTLA	✓	2	●
28 3	08222254	HUỲNH THỊ THANH	PHƯỢNG	TC08QTDN	✓	3	●
29 4	08224050	LÊ NGỌC	THẢO	TC08QL	[signature]	4	●
30 5	09221094	NGUYỄN VĂN	TỰ	TC09PTLA	✓	5	●
31 6	08223129	NGUYỄN TRẦN PHƯỢNG	VỸ	TC08KETD	[signature]	6	●
						7	
						8	
						9	
						10	
						11	
						12	
						13	
						14	
						15	
						16	
						17	
						18	
						19	
						20	
						21	
						22	
						23	
						24	
						25	
						26	
						27	
						28	
						29	
						30	
						31	
						32	

Số bài: 02 Số tờ: 02 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 6 tháng 5 năm 201

[signature]

2/2DS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02748 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kinh tế vi mô 1 (908109)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06222015	NGUYỄN VĂN	CHÁNH	TC06QTTD		1	
2	05224327	TRẦN	CƯƠNG	TC05QL		2	
3	06222208	TRƯƠNG VĂN	ĐOÀN	TC06QTDN		3	
4	07224217	NGUYỄN MINH	HẢI	TC07QL		4	
5	06222055	NGÔ MINH	KHẢI	TC06QTTD		5	
6	03224029	LÊ HOÀNG VŨ	LÂM	TC03QL		6	
7	07143070	HUỲNH	LÂN	DH07KM		6 7	
8	06222064	HUỲNH VĂN	LÂN	TC06QTTD		8	
9	07223052	TRƯƠNG THANH	LOAN	TC07KETD		9	
10	03224033	LÊ PHƯỚC	LỢI	TC03QL		10	
11	04224042	NGUYỄN HOÀI	NAM	TC04QL		11	
12	06224052	ĐẶNG THỊ	NGA	TC06QLQ9		12	
13	06223554	NGUYỄN VĂN	NHỨT	TC06KE		13	
14	06223094	VÕ THỊ	NINH	TC06KETD		14	
15	07223076	ĐỖ THỊ HOÀNG	OANH	TC07KETD		15	
16	06224065	LÊ DUY	PHƯƠNG	TC06QLQ9		16	
17	07223084	ĐẶNG THỊ LINH	PHƯỢNG	TC07KETD		17	
18	07223093	LÊ THỊ TUYẾT	SƯƠNG	TC07KETD		18	
19	03224059	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THANH	TC03QL		6 19	
20	06222095	BÙI NGỌC	THÀNH	TC06QTTD		20	
21	05223377	TẠ THANH	THẢO	TC05KEDA		21	
22	06124115	NGUYỄN MẠNH	THẾ	DH07QL		6 22	
23	06222101	NGUYỄN XUÂN	THIẾT	TC06QTTD		23	
24	06222110	LÊ DUY	TOÀN	TC06QTTD		24	
25	06223570	LÊ ĐÌNH	TRUNG	TC06KE		25	
26	05120059	NGUYỄN QUANG	VINH	DH05KT		26	
27	07223139	VÕ THỊ HẢI	YẾN	TC07KETD		27	
						28	
						29	
						30	
						31	
						32	

Số bài: 3 Số tờ: 3 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 24 tháng 4 năm //

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02754 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Sinh lý thực vật cơ bản (904103)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06213109	PHẠM VĂN	DƯƠNG	TC06NHNX		5	1	5
2	06213208	HÀ LÊ TRUNG	HIẾU	TC06NHCC		5	2	5
3	06213211	~~NGUYỄN VŨ~~	~~HOÀNG~~	TC06NHCC			3	
4	06213016	NGUYỄN THÁI	HỌC	TC06NHCC		5	4	5
5	06113185	PHAN NGỌC	HUÂN	DH06NHGL		5	5	5
6	06213125	LÊ MINH	KHÁNH	TC06NHNX		6	6	6
7	06113187	ĐINH THANH	LAM	DH06NHGL		6	7	6
8	06213022	NGUYỄN THANH	LIÊM	TC06NHCC		5	8	5
9	06213220	TRẦN THỊ	NGA	TC06NHCC		5	9	5
10	06213223	TRỊNH PHÚC	NGUYÊN	TC06NHCC		6	10	6
11	06213229	PHƯƠNG THANH	PHONG	TC06NHCC		5	11	5
12	06213231	DƯƠNG VĨNH	PHÚC	TC06NHCC		5	12	5
13	06213036	TRẦN HỒNG	PHÚC	TC06NHCC		5	13	5
14	06213043	NGUYỄN MINH ANH	TÀI	TC06NHCC		5	14	5
15	06213136	HOÀNG VĂN	TÂM	TC06NHNX		6	15	6
16	06213046	VÕ HOÀNG	THÂN	TC06NHCC		6	16	6
17	06113110	NGUYỄN BÁ	TRỌNG	DH07NHA		5	17	5
18	06213244	NGUYỄN THANH	TÙNG	TC06NHCC		5	18	5
19	06213069	HUỲNH QUỐC	VƯƠNG	TC06NHCC		5	19	5
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: 19 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02755 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Sinh lý thực vật (904108)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
21	07113312	~~PHẠM THÀNH~~	~~ĐẠT~~	DH07NHGL	✓		1	
22	07213068	~~VÕ THANH~~	~~HẢI~~	TC07NH		5	2	5
23	07213082	NGUYỄN THỊ	LỆ	TC07NH		5	3	5
24	07213063	TRỊNH MINH	QUYỀN	TC07NH		6	4	6
25	07145211	HỒ THIÊN	THAO	DH07BVB		5	5	5
26	07213038	PHẠM	THÌN	TC07NH		5	6	5
27	07113356	~~NGUYỄN THỊ ANH~~	~~THƯ~~	DH07NHGL	✓		7	
28	07113359	~~TRƯƠNG HUỆ~~	~~TRANG~~	DH07NHGL	✓		8	
							9	
							10	
							11	
							12	
							13	
							14	
							15	
							16	
							17	
							18	
							19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: 05 Số tờ: 05 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00159 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Bệnh cá (906234)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07116007	LÊ NGỌC	ÂU	DH07NT		6.2	1	6
2	07116017	LÊ HÙNG	CƯỜNG	DH07NT		5.0	2	5
3	07116060	PHẠM QUANG	HOÀI	DH07NT		6.7	3	7
4	07116080	NGUYỄN LÊ THANH	HƯƠNG	DH07NT		5.0	4	5
5	07116083	DƯƠNG ĐÌNH	KHANG	DH07NT		5.9	5	5
6	07116094	LÊ SƠN	LÂM	DH07NT		5.9	6	5
7	07116156	TRỊNH NGỌC BẢO	QUỐC	DH07NT		7.2	7	7
8	02216026	PHAN XUÂN	SƠN	TC02NT		5.3	8	5
9	07116176	ĐÀO QUỐC	THANH	DH07NT		6.2	9	6
10	07116227	NGUYỄN VĂN	TUẤN	DH07NT		5.0	10	5
							11	
							12	
							13	
							14	
							15	
							16	
							17	
							18	
							19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: 10 Số tờ: 10 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày .....tháng ..... năm..

Võ Văn Tuấn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02762 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Sinh học động vật (902413)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm
1	06212312	TRẦN CÔNG	KHANH	TC06TYVL		3
2	05212532	LÊ HOÀI	NAM	TC05TYLA		5
3	07212106	VŨ TRƯỜNG	PHONG	TC07TY		
4	05212175	LÊ HỒNG	SƠN	TC05TY		5
5	04212689	LÊ NHỰT	TÂN	TC04TYVL		4
6	05213098	NGUYỄN ANH	THANH	TC05NH		4
7	02212102	PHẠM CÔNG	TRẠNG	TC02TYVL		3
8	05212187	HUỲNH MINH	TRIỀU	TC05TYCT		

Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên

1	3
2	5
3	
4	5
5	4
6	4
7	3
8	
9	
10	
11	
12	
13	
14	
15	
16	
17	
18	
19	
20	
21	
22	
23	
24	
25	
26	
27	
28	
29	
30	
31	
32	

Số bài: 08 Số tờ: 08 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 16 tháng 05 năm 2011

Nguyễn Hữu Đức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02761 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Sinh đại cương A2 (902403)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
3	04212637	PHAN KIM	KHẢI	TC04TYVL		4	1	
12	07114254	LÊ BÁ	NAM	DH07LNGL	/		2	
							3	
							4	
							5	
							6	
							7	
							8	
							9	
							10	
							11	
							12	
							13	
							14	
							15	
							16	
							17	
							18	
							19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: 61 Số tờ: 61 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 14 tháng 05 năm 11

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02762 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Sinh học động vật (902413)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm
1	06212312	TRẦN CÔNG	KHANH	TC06TYVL		
2	05212532	LÊ HOÀI	NAM	TC05TYLA		
3	07212106	VŨ TRƯỜNG	PHONG	TC07TY		
4	05212175	LÊ HỒNG	SƠN	TC05TY		
5	04212689	LÊ NHỰT	TÂN	TC04TYVL		
6	05213098	NGUYỄN ANH	THANH	TC05NH		
7	02212102	PHẠM CÔNG	TRẠNG	TC02TYVL		
8	05212187	HUỲNH MINH	TRIỀU	TC05TYCT		4

	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10
9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 01 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 16 tháng 05 năm 2011

Phan T. Bích Vân Nguyễn Thái Tài

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02783 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Toán cao cấp C2 (902115)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm		Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07123010	NGUYỄN VĂN	CẢNH	DH07KEB		8,0	1	8
2	03221229	VÕ THÀNH	ĐIỆP	TC03PTTN		5,0	2	5
3	07224222	NGUYỄN ĐÌNH	HOÀNG	TC07QL	✓		3	
4	07223056	NGUYỄN DUY	LÝ	TC07KETD	✓		4	
5	06223383	PHẠM THỊ TUYẾT	MAI	TC06KEDN	Mai	6,0	5	6
6	06119021	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	CD07CQ		6,0	6	6
7	06223403	NGÔ THỊ HỒNG	NHUNG	TC06KEDN	Nhung	6,0	7	6
8	06223425	LÊ THỊ THANH	TÂM	TC06KEDN		6,0	8	6
9	07223117	NGUYỄN MINH	THƯ	TC07KETD	✓		9	
10	06223485	NGUYỄN BÁ	VŨ	TC06KEDN		5,0	10	5
11	06223495	LÊ THỊ NGỌC	YẾN	TC06KEDN		5,0	11	5
							12	
							13	
							14	
							15	
							16	
							17	
							18	
							19	
							20	
							21	
							22	
							23	
							24	
							25	
							26	
							27	
							28	
							29	
							30	
							31	
							32	

Số bài: 5 Số tờ: 5 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 11 tháng 5 năm 11

2/3 DS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

11/05/2011

Mã nhận dạng 00005 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Toán cao cấp C1 (202114)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
22	08222159	DƯƠNG KIM	THUYỀN	TC08QTTD		4,0	1
							2
							3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 11 tháng 5 năm 11

3/3/05

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02769 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Môi trường và con người (902401)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	
1	06212302	TẠ THỊ QUỲNH	ANH	TC06TYVL		5	1
2	05212001	ĐỖ VĂN	CÔNG	TC05TYVL		3	2
3	06224508	PHẠM VĂN	DÍ	TC06QL		3	3
4	06212066	HÀ TIẾN	DŨNG	TC06TYCT		5	4
5	07224211	TRẦN LÊ	DUY	TC07QL		5	5
6	05212415	LƯƠNG THIỆN	ĐẠT	TC05TY		4	6
7	05212224	NGUYỄN QUANG	ĐIỀN	TC05TYDT		5	7
~~8~~	~~06212067~~	~~VÕ VĂN~~	~~HẠNG~~	~~TC06TYCT~~			~~8~~
9	06224519	PHAN THỊ THANH	HÒA	TC06QL		5	9
10	06212312	TRẦN CÔNG	KHANH	TC06TYVL		3	10
11	06212083	NGUYỄN TẤN	LỘC	TC06TYCT		3	11
~~12~~	~~07224240~~	~~NGUYỄN VĂN~~	~~NHÂN~~	~~TC07QL~~			~~12~~
13	06224530	NGUYỄN THỊ	OANH	TC06QL		4	13
~~14~~	~~05212169~~	~~TRẦN TRỌNG~~	~~ƠN~~	~~TC05TYCT~~			~~14~~
15	06212202	NGUYỄN VĂN	PHONG	TC06TY		4	15
16	06212359	NGUYỄN HỮU	PHỤC	TC06TYVL		4	16
17	05224300	BÙI VƯƠNG	QUYỀN	TC05QL		6	17
18	07224287	TRÀ XUÂN	TẤN	TC07QL		6	18
~~19~~	~~06224083~~	~~HÀ TRUNG~~	~~THÀNH~~	~~TC06QLQ9~~			~~19~~
20	05212263	PHẠM CHÍ	THÀNH	TC05TYDT		4	20
~~21~~	~~07224254~~	~~PHẠM NGUYÊN~~	~~THÀNH~~	~~TC07QL~~			~~21~~
~~22~~	~~05212267~~	~~LÊ VĂN~~	~~THIẾT~~	~~TC05TYDT~~			~~22~~
23	06224549	NGUYỄN HOÀNG ANH	THƯ	TC06QL		4	23
24	07224179	ĐẶNG MINH	TIẾN	TC07QLBN		6	24
25	07224263	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	TC07QL		5	25
26	03213163	NGUYỄN MINH	TRUNG	TC03NHBD		5	26
27	05212560	TRẦN KHÁNH	TÚ	TC05TYLA		5	27
~~28~~	~~05212285~~	~~NGUYỄN THỊ KIM~~	~~TUYỀN~~	~~TC05TYDT~~			~~28~~
29	05212343	PHẠM THANH	TƯƠI	TC05TYBD		3	29
~~30~~	~~05212688~~	~~TRẦN NGUYỄN TÚ~~	~~UYÊN~~	~~TC05TYTG~~			~~30~~
31	05212292	NGUYỄN THANH	XUYÊN	TC05TYDT		4	31
32	05212106	NGUYỄN VĂN	ÂN	TC05TYC1		6	32

Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên

Số bài: 31 Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 15 tháng 5 năm 2011

Lê Thị Minh Trúc

Nguyễn Thị Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00207 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Hệ thống điện động cơ (907709)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07154030	NGUYỄN LÊ PHÚ	QUÝ	DH07OT		6	1
2	07154085	ĐÀO VĂN	THÂU	DH07OT		6	2
							3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 02 Số tờ: 02 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 11 tháng 07 năm 11

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00170 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Thuốc & h.chất s.dụng trong TS (906809)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm
1	06141017	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	DH06NY		Vắng
2	05241041	NGUYỄN VĂN	TRUNG	TC05NYBT		4

Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên

	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
2	○	○	○	○	○	●	○	○	○	○	○	○
3	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
4	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
5	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
6	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
7	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
8	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
9	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
10	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
11	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
12	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
13	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
14	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
15	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
16	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
17	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
18	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
19	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
20	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
21	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
22	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
23	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
24	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
25	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
26	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
27	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
28	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
29	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
30	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
31	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
32	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 25 tháng 11 năm 2011

Đỗ Thị Lài

Ng Như Thi

Ng Như Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

12/5

Mã nhận dạng 02789 Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Quản lý nguồn nước (909507)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm
1	04224604	VÕ ĐỨC	TRỌNG	TC04QLNT		6
2	07224086	HUỲNH TẤN	TÙNG	TC07QLBN		6
~~3~~	~~06224557~~	~~TRẦN QUANG~~	~~TƯỜNG~~	TC06QL		

Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên

	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	5
2	5
3	
4	
5	
6	
7	
8	
9	
10	
11	
12	
13	
14	
15	
16	
17	
18	
19	
20	
21	
22	
23	
24	
25	
26	
27	
28	
29	
30	
31	
32	

Số bài: 02 Số tờ: 02 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 12 tháng 5 năm 2011

Vũ Ngọc Yến

Trần Văn Mỹ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00136

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Phương pháp thí nghiệm 1 (904611)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06113094	LÊ ĐỨC	THUẬN	DH07NHA		10	1
2	06113110	NGUYỄN BÁ	TRỌNG	DH07NHA		8	2
							3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 2 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 14 tháng 5 năm 11

Trần Thị Tuyết Trần Thị Tuyết Trần Thị Tuyết

ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
TRUNG TÂM KHẢO THÍ & ĐBCL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2011

DANH SÁCH GIAO BẢNG ĐIỂM HỌC KỲ II NĂM HỌC 2010-2011

(NGÀY 30/05/2011)

STT	Mã môn	Tên môn	Họ tên Giảng viên	Số lượng	Học lại	Ghi chú
1	204514	Cây CNNN2	Lê Quang Hưng	1		
2	209406	Đăng ký thống kê	Ngô Minh Thụy	10	*	
3	211315	Thủy sản ĐC	Đinh Thế Nhân	2		
4	206203	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	Đinh Thế Nhân	4		
5	206209	Công trình nuôi thủy sản	Đinh Thế Nhân	1		
6	206403	QL&BV nguồn lợi thủy sản	Vũ Cẩm Lương	2		
7	217305	PT dư lượng&độc tố trong SP	Phùng Võ Cẩm Hồng	1		
8	217101	Hóa phân tích dụng cụ	Phùng Võ Cẩm Hồng	1		
9	203419	Dược phân tích	Phùng Võ Cẩm Hồng	2		
10	212207	Hóa lý	Phùng Võ Cẩm Hồng	3		
11	208348	Kế toán tài chính 2	Nguyễn Thị Minh Đức	1	*	
12	208122	Kinh tế vi mô 2	Đặng Minh Phương	2		
13	208454	Quản trị doanh nghiệp	Mai Hoàng Giang	3		
14	208474	Quản trị nông trại	Mai Hoàng Giang	3		
15	208416	Quản trị học	Mai Hoàng Giang	7		
16	202621	Xã hội học ĐC	Trang Thị Huy Nhất	4		
17	209113	Thành lập bản đồ địa chính	Đặng Quang Thịnh	3		
18	209110	Bản đồ học	Đặng Quang Thịnh	2		
19	212402	Độc chất học môi trường	Phạm Minh Hiệp	2		
20	212104	Sinh thái học môi trường	Phạm Minh Hiệp	2		
21	210330	Công nghệ chế biến & BQ sữa	Trương Thanh Long	1		
22	202121	Xác suất thống kê	Bùi Đại Nghĩa	20		
23	202113	Toán cao cấp B2	Bùi Đại Nghĩa	1		
24	202115	Toán cao cấp C2	Bùi Đại Nghĩa	2		
25	212611	Du lịch sinh thái	Ngô An	3		
26	218307	Ứng dụng GIS trong QLCQ	Ngô An	1		
27	212517	Quản lý tài nguyên rừng	Ngô An	4		
28	208110	Kinh tế vĩ mô 1	Đỗ Minh Hoàng	4	*	
29	208120	Kinh tế vĩ mô 2	Đỗ Minh Hoàng	1		
30	218102	Kỹ thuật lập trình GIS	Văn Công Đức	1		
31	206301	Bệnh học thủy sản đại cương	Trần Thanh Phong	3	LT	
32	211106	Sinh học phân tử	Nguyễn Thị Thanh Trúc	1	*	
33	207417	Thiết bị trao đổi nhiệt	Lê Quang Giảng	1		
34		AutoCAD	Nguyễn Hải Đăng	1		
35	207302	Máy và TB phục vụ chăn nuôi	Nguyễn Hải Đăng	1		
36		Thực tập gia công	Nguyễn Văn Kiệp	7		
37	207110	Kỹ thuật điện tử	Lê Quang Hiền	1		
38	204919	Phương pháp tiếp cận KH	Phạm Văn Hiền		*	
39	203508	Mô học	Lê Nguyễn Phương Khanh	3		
40	203516	Vi sinh học ĐC	Vũ Thị Lâm An	5	*	
41	207202	Cơ lưu chất	Nguyễn Văn Hùng	1		
42		Ô nhiễm không khí & tiếng ồn	Huỳnh Ngọc Anh Tuấn	1		

STT	Mã môn	Tên môn	Họ tên Giảng viên	Số lượng	Học lại	Ghi chú
43		Hệ thống định vị toàn cầu	Nguyễn Kim Lợi	1		
44	218115	Mô hình hóa bề mặt	Nguyễn Kim Lợi	1		
45	211137	Khí hậu & biến đổi khí hậu	Nguyễn Kim Lợi	1		
46	218101	Hệ thống thông tin địa lý	Nguyễn Kim Lợi	3	*	
47	208209	Thống kê ứng dụng	Nguyễn Kim Lợi	1		
48	218311	Khí tượng học	Từ Thị Năm	1		
49	212201	Hóa học môi trường	Lê Thị Oanh	2		
50	212207	Hóa lý	Lê Thị Oanh	2		
51	204716	Côn trùng đại cương	Trần Thị Thiên An	2		
52	214231	Cấu trúc máy tính	Phạm Công Thiện	2		
53	209405	Quản lý hành chính về đất đai	Lê Mộng Triết	7		
54	208403	Phương pháp NCKH	Phan Thị Giác Tâm	8		
55	208486	Ngoại ngữ chuyên ngành TC	Phan Thị Giác Tâm	2		
56	203516	Vi sinh học ĐC	Nguyễn Ngọc Hải	3		
57	207608	Kỹ thuật Robot 1	Nguyễn Văn Hùng	2		
58	207605	Kỹ thuật lập trình	Nguyễn Văn Hùng	3		
59	202622	Pháp luật ĐC	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	4	*	
60	217402	Khoa học đất & phân bón	Lê Trọng Hiếu	1		
61	209104	Trắc địa cao cấp	Thái Văn Hòa	1		
62	209105	Xử lý số liệu trắc địa	Thái Văn Hòa	2		
63	206107	HT, PL giáp xác& nhuyễn thể	Nguyễn Như Trí	2	LT	
64	202416	Thực vật học & phân loại TV	Phạm Thị Huyền	5	*	
65	203203	Di truyền học ĐC	Bùi Thị Trà Mi	1		
66	203214	Thiết kế chuồng trại	Đoàn Trần Vĩnh Khánh	1	*	
67	214442	Nhập môn cơ sỡ dữ liệu	Trần Lê Như Quỳnh	1		
68	214481	Chuyên đề hệ thống thông tin	Phan Võ Minh Thắng	1		
69	214451	Hệ quản trị cơ sỡ dữ liệu	Phan Võ Minh Thắng	2		
70	214441	Cấu trúc dữ liệu	Nguyễn Thị Tú Mi	1		
71	206106	Ngư loại học	Nguyễn Phúc Thưởng	1	*	
72	204522	Cây CNDN1c	Lê Quang Hưng	2		
73	216301	Thiết kế cảnh quan	Hà Nhật Tân	2		
74		Đồ án thiết kế cảnh quan	Hà Nhật Tân	1		
75	214241	Mạng máy tính cơ bản	Phạm Văn Tính	2		
76	203504	Giải phẫu bệnh I	Nguyễn Văn Khanh	3		
77	203404	Dược lý cơ bản	Đặng Thị Xuân Thiệp	1		
78	203403	Dược lý cơ bản	Võ Thị Trà An	4		
79	208375	Kế toán thương mại, dịch vụ	Bùi Công Luận	9	*	
80	209302	Đánh giá đất đai	Nguyễn Du	3	*	
81	205225	Bảo tồn đất và nước trong NL	Nguyễn Thị Kim Tài	2		
82	203915	Phương pháp NCKH	Nguyễn Tiến Thành	7		
83		Tiếp thị du lịch	Võ Thị Bích Thùy	1		
84	212331	Vẽ kỹ thuật	Lê Tấn Thanh Lâm	4		
85	211304	Công nghệ xử lý chất thải	Lê Tấn Thanh Lâm	1	*LT	
86	207108	Hình học họa hình-vẽ kỹ thuật	Lê Tấn Thanh Lâm	1		
87	212305	Quá trình thủy lực trong CNM	Lê Tấn Thanh Lâm	2		
88	212302	Hình học họa hình	Lê Tấn Thanh Lâm	1		
89	205533	Kinh tế tài nguyên MT	Hà Thúc Viên	3		
90	216415	Kỹ thuật hạ tầng cảnh quan	Đỗ Ngọc Nhuận	4		
91	204715	Bệnh cây đại cương	Từ Thị Mỹ Thuận	1	*	
92	204207	Giống cây trồng	Phan Thanh Kiếm	1	*	

STT	Mã môn	Tên môn	Họ tên Giảng viên	Số lượng	Học lại	Ghi chú
93	206512	Vệ sinh & an toàn thực phẩm	Nguyễn Thùy Linh	1		
94	206511	Bao bì thực phẩm	Nguyễn Thùy Linh	1		
95	203516	Vi sinh học ĐC	Nguyễn Thùy Linh	5		
96	204401	Cây ăn quả nhiệt đới	Thái Nguyễn Diễm Hương	3	*	
97	207504	Kỹ thuật tự động khí nén & th	Nguyễn Văn Công Chính	1		
98	207219	Nhiệt kỹ thuật	Nguyễn Văn Xuân	2	*	
99	207221	PP bố trí thí nghiệm&XLSL	Nguyễn Văn Xuân	2	*	
100		Thực tập giáo trình	Vũ Thị Hồng Thủy	1		
101	207504	Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực	Nguyễn Văn Công Chính	1		
102	206208	KT nuôi cá cảnh & thủy đặc s	Lê Thị Bình	3		
103	203114	Tập tính động vật	Nguyễn Kiên Cường	2		
104	209119	Lập trình chuyên ngành	Trần Đắc Phi Hùng	1		
105	202605	Kinh tế học đại cương	Lê Vũ	1	*	
106	208109	Kinh tế vi mô 1	Lê Vũ	5	*	
107	208110	Kinh tế vĩ mô 1	Lê Vũ	2		
108	209214	Tư vấn đầu tư BĐS	Nguyễn Đức Thành	3		
109	209207	Lập dự án đầu tư BĐS	Nguyễn Đức Thành	1		
110	212302	Hình học họa hình	Phan Văn Thìn Thọ	2		
111	216311	Diễn họa cảnh quan	Phan Văn Thìn Thọ	3		
112		Thực tập giáo trình	Đinh Quang Diệp	1		
113		Sinh thái cảnh quan	Đinh Quang Diệp	2		
114	216101	Thực vật cảnh quan	Trần Hợp	2		
115	208452	Phân tích kinh doanh	Trần Minh Huy	2		
116	208439	Thương mại điện tử	Trần Minh Huy	4		
117	210313	Kỹ thuật thực phẩm 2	Bùi Anh Việt	1		
118	210202	Công nghệ SX thức uống lên	Lâm Thanh Hiền	4		
119	206307	Bệnh tôm	Nguyễn Huy Thịnh	3		
120	206305	Bệnh cá II	Nguyễn Huy Thịnh	1		
121	206303	Vi sinh ứng dụng trong TS	Nguyễn Huy Thịnh	3	*	
122	206513	Kiểm tra chất lượng SPTS	Nguyễn Huy Thịnh	2	*	
123	206102	Sinh thái thủy vực	Trịnh Trường Giang	2		
124		Kỹ năng dã ngoại	Hồ Văn Cử	1		
125		Quản lý động vật hoang dã	Hồ Văn Cử	1		
126		Mạng lưới cấp nước	Vũ Văn Quang	1		

Tổng: 126 môn học của Giảng viên

PHÒNG ĐÀO TẠO
NGƯỜI NHẬN

TT KHẢO THÍ & ĐBCL
NGƯỜI BÀN GIAO

Đoàn Ngọc Thuận